

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN TÔNG BẢO MINH

CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN TIẾN SĨ

LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG
THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

Ngành đào tạo: Luật dân sự và tố tụng dân sự

Mã số: 9380103

Hà Nội - 2026

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN TIỀN SĨ**

STT	Tên công trình khoa học	Trang
1	Nguyễn Tổng Bảo Minh (2025), “Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và những gợi mở cho Việt Nam”, <i>Tạp chí Luật học</i> , số 7 (302), tr.46-63.	1
2	Nguyễn Tổng Bảo Minh (2026), “Bảo đảm tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng”, <i>Tạp chí Khoa học Kiểm sát</i> , số 01 (98), tr.43-50.	22
3	Nguyễn Tổng Bảo Minh (2026), “Loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng”, <i>Tạp chí Nghề luật</i> , số 2, tr.31-36.	33
4	Nguyễn Văn Hợi & Nguyễn Tổng Bảo Minh (2023), “Loại trừ trách nhiệm dân sự do lỗi của bên bị vi phạm”, <i>Tạp chí Nghề Luật</i> , số 9, tr.15-19.	42

Số 7 - 2025

ISSN 0868 - 3522

Tạp chí

Luật Học

Journal of Legal Studies

Số 7

2025



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TẠP CHÍ LUẬT HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

*Tất cả các bài đăng
đều được phản biện độc lập*

MỤC LỤC

Trang

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ♦ Một số vấn đề lý luận và giải pháp xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật ở Việt Nam hiện nay
LÊ MINH TÂM 3
- ♦ Phương sách trọng dụng người hiền tài thời quân chủ và giá trị đối với chính sách sử dụng, đãi ngộ nhân tài ở Việt Nam hiện nay
PHẠM THỊ THU HIỀN 17
- ♦ Tiêu chí đánh giá và giải pháp hoàn thiện thủ tục tư pháp dân sự ở Việt Nam
TRẦN ANH TUẤN 31
- ♦ Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và những gợi mở cho Việt Nam
NGUYỄN TỔNG BẢO MINH 46
- ♦ Vai trò của quyền sở hữu tài sản đối với phát triển kinh tế dưới góc nhìn của kinh tế học thể chế
VŨ THÀNH CỰ, NGUYỄN VĂN QUÂN 64
- ♦ Thoả thuận hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực lao động - Pháp luật của một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam
HOÀNG QUỲNH HOA, TRẦN THỊ THUÝ LÂM 77
- ♦ Pháp luật về công khai thông tin môi trường trong kinh doanh – Một số vấn đề lý luận, kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo cho Việt Nam
NGUYỄN THỊ HẰNG 94
- ♦ Tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong RCEP: Quy định, xu hướng phát triển và thực tiễn thực thi của Việt Nam
NGUYỄN ĐỨC ANH, TRẦN MINH THU 107
- ♦ Minh bạch hoá quy tắc xuất xứ hàng hoá theo ATIGA và một số vướng mắc trong thực tiễn thực thi
NGUYỄN THỊ KHÁNH 126

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

- ♦ Kinh nghiệm lấy dân làm trung tâm, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc của Thụy Điển: Giá trị tham khảo cho Việt Nam
NGUYỄN THỊ THANH HẢI 140

CONTENTS*Pages***RESEARCH - EXCHANGE OF OPINIONS**

- ♦ The culture of legal compliance: some theoretical issues and solutions for its establishment in Vietnam today
LE MINH TAM 3
- ♦ Strategies for employing talent during the monarchical era and their values for current talent utilisation and remuneration policies in Vietnam today
PHAM THI THU HIEN 17
- ♦ Civil judicial procedures in Vietnam: Evaluating criteria and solutions for improvement
TRAN ANH TUAN 31
- ♦ The laws of some countries on the exclusion of liability for contractual breaches and suggestions for Vietnam
NGUYEN TONG BAO MINH 46
- ♦ The role of ownership in economic development - An institutional economics perspective
VU THANH CU, NGUYEN VAN QUAN 64
- ♦ Non-compete agreements: Legal frameworks in selected countries and suggestions for Vietnam
HOANG QUYNH HOA, TRAN THI THUY LAM 77
- ♦ Legal frameworks on environmental information disclosure in business: theoretical issues, international experience and recommendations for Vietnam
NGUYEN THI HANG 94
- ♦ Trade facilitation for SMEs under RCEP: Regulations, emerging trends, and Vietnam's implementation practice
NGUYEN DUC ANH, TRAN MINH THU 107
- ♦ Transparency in rules of origin under the ASEAN Trade in Good Agreement (ATIGA) and some obstacles in practical implementation
NGUYEN THI KHANH 126

FOREIGN STATE AND LAW

- ♦ Sweden's experience in centring the People and promoting national solidarity: Reference values for Vietnam
NGUYEN THI THANH HAI 140

PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ NHỮNG GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

NGUYỄN TỐNG BẢO MINH *

Tóm tắt: Loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng là cơ chế pháp lý được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự năm 2015 giúp giải phóng bên vi phạm nghĩa vụ khỏi trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy rằng vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế, bất cập, chưa rõ ràng cần hoàn thiện về vấn đề này. Bài viết nghiên cứu pháp luật của Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, trong đó tập trung vào cách thức nhận diện các căn cứ loại trừ trách nhiệm, đồng thời đối sánh với pháp luật Việt Nam để chỉ ra những tồn tại trong quy định pháp luật và gợi mở một số vấn đề cần tham khảo liên quan tới các tiêu chí nhận diện, phạm vi áp dụng căn cứ loại trừ trách nhiệm để hoàn thiện pháp luật dân sự Việt Nam trong lĩnh vực này.

Từ khoá: Loại trừ trách nhiệm; trách nhiệm dân sự; vi phạm hợp đồng

Nhận bài: 18/4/2025

Hoàn thành biên tập: 26/7/2025

Duyệt đăng: 26/7/2025

THE LAWS OF SOME COUNTRIES ON THE EXCLUSION OF LIABILITY FOR CONTRACTUAL BREACHES AND SUGGESTIONS FOR VIETNAM

Abstract: Exclusion of liability for contractual breaches is a legal mechanism stipulated in the 2015 Civil Code to help release the party violating the contractual obligation from civil liability. However, researches show that there remain some limitations and shortcomings that need to be addressed in this issue. By studying the laws of France, Germany, Russia, and China on the exclusion of liability for contractual breaches, with a focus on recognising the basis for exclusion of liability, and on comparing them to Vietnam's laws to highlight the existing shortcomings in legal provision. From there, the article suggests some issues regarding the recognition criteria and scope of application that Vietnam can consider in improving this aspect of the civil law.

Keywords: Exclusion of liability, civil liability, contractual breach

Received: 18 April 2025; Editing completed: 26 July 2025; Accepted for publication: 26 July 2025

1. Đặt vấn đề

Loại trừ trách nhiệm (LTTN) do vi phạm hợp đồng (VPHĐ) là cơ chế pháp lý giúp cho bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng không phải chịu trách nhiệm dân sự đối với hành vi của họ trên cơ sở các căn cứ LTTN. Điều này là do các căn cứ LTTN do VPHĐ là các

sự kiện, trường hợp có tính chất đặc biệt làm khuyết đi một trong những điều kiện làm phát sinh trách nhiệm dân sự, chẳng hạn như chủ thể vi phạm không có lỗi hay hành vi gây thiệt hại được pháp luật cho phép... từ đó không làm phát sinh trách nhiệm dân sự. LTTN do VPHĐ không phải là vấn đề mới xuất hiện trong pháp luật dân sự Việt Nam, tuy nhiên việc phân biệt một cách rạch ròi và xác định chính xác các căn cứ LTTN vẫn

* Nghiên cứu sinh Khoá 28, Trường Đại học Luật Hà Nội, E-mail: minhntb@hlu.edu.vn

gặp phải rất nhiều vướng mắc, còn phụ thuộc rất lớn vào quan điểm chủ quan của chủ thể áp dụng pháp luật.

Là vấn đề pháp lý quan trọng, đóng vai trò như ngoại lệ của chế định trách nhiệm do VPHĐ, vấn đề LTTN do VPHĐ cũng được ghi nhận trong pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới, tuy nhiên mỗi quốc gia lại có quan điểm, cách tiếp cận khác nhau. Vì vậy, bài viết nghiên cứu LTTN do VPHĐ trong pháp luật của một số quốc gia bao gồm Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc để phân tích, làm rõ cách tiếp cận của những quốc gia này với LTTN do VPHĐ. Đây là những quốc gia mà pháp luật có cách tiếp cận khá tương đồng với pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

2. Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Pháp luật của các quốc gia trên thế giới hiện đang có những cách tiếp cận chưa thực sự đồng bộ trong cách thức quy định cơ sở pháp lý về LTTN do VPHĐ. Chẳng hạn, Pháp, Đức chủ yếu dựa vào hệ thống án lệ để ghi nhận các căn cứ LTTN, trong khi đó Nga và Trung Quốc lại chú trọng việc luật định hoá vấn đề LTTN trong bộ luật dân sự (BLDS).

Dù có sự khác biệt về mặt hình thức nhưng pháp luật của các quốc gia trên lại thể hiện sự tương đồng nhất định trong việc ghi nhận các căn cứ LTTN. Pháp luật của Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc đều có sự ghi nhận các căn cứ như sự kiện bất khả kháng, lỗi của bên bị vi phạm/bên bị thiệt hại, các bên có thoả thuận trước, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết có khả năng làm loại trừ trách nhiệm dân sự nói chung và LTTN do VPHĐ nói riêng. Tuy nhiên, với đặc thù

trong hệ thống pháp luật và thực tiễn của mỗi quốc gia, cách nhận diện và nội dung pháp lý của các căn cứ loại trừ trên cũng không thống nhất. Để làm rõ vấn đề này cũng như để cung cấp góc nhìn đối sánh, bài viết nghiên cứu pháp luật của các quốc gia về LTTN do VPHĐ theo từng nhóm căn cứ loại trừ.

2.1. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng bắt nguồn từ thuật ngữ “force majeure”, về mặt ngữ nghĩa có thể được hiểu là “sức mạnh tối cao” hoặc “không thể kháng cự nổi”¹. Cách tiếp cận về mặt thuật ngữ như trên đã phần nào phản ánh được tính chất đặc biệt của sự kiện bất khả kháng về tính nằm ngoài tầm kiểm soát và có tác động trực tiếp tới khả năng thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên để nhận diện cụ thể hơn sự kiện bất khả kháng, pháp luật của các quốc gia hiện cũng đang xây dựng những hệ tiêu chí còn tương đối khác biệt:

Thứ nhất, Cộng hoà Pháp

Sự kiện bất khả kháng là căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự được quy định rõ nét nhất trong BLDS Pháp². Cụ thể, Điều 1231-1 Bộ luật này quy định bên vi phạm sẽ chỉ phải chịu trách nhiệm “nếu không chứng minh được việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ là do sự kiện bất khả kháng”.

¹ Nông Quốc Bình (2012), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn đối với điều khoản bất khả kháng trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế”, *Tạp chí Luật học*, số 5, tr. 10.

² BLDS Pháp năm 2016 (French Civil Code 2016), https://www.trans-lex.org/601101/_/french-civil-code-2016/, truy cập 14/4/2025.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Theo đó, nếu hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ là do sự kiện bất khả kháng thì trách nhiệm do VPHĐ sẽ được loại trừ.

Về khái niệm sự kiện bất khả kháng, xét trên phương diện lịch sử, cho dù thừa nhận khả năng làm loại trừ trách nhiệm dân sự của căn cứ này nhưng trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2016, BLDS Pháp đã không có bất cứ quy định nào về khái niệm của thuật ngữ này. Thay vào đó, các tiêu chí nhận diện của sự kiện bất khả kháng đã được hình thành thông qua thực tiễn xét xử tại toà án, bao gồm ba tiêu chí sau³:

Một là, không thể lường trước được (unforeseeable): Sự kiện phải không thể lường trước được một cách hợp lí tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Hai là, không thể kháng cự lại (irresistible) - không thể khắc phục được hệ quả: Hệ quả của sự kiện phải nằm ngoài sự kiểm soát của các bên và không thể ngăn chặn hay tránh khỏi bằng các biện pháp cần thiết.

Ba là, bên ngoài quan hệ (external): Sự kiện phải không có mối liên hệ gì với các bên trong hợp đồng.

Cách nhận diện trên đã có những điểm tương đồng nhất định với BLDS Việt Nam năm 2015. Cụ thể, khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 cũng đưa ra ba tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng, bao gồm: 1) tính khách quan; 2) tính không thể lường trước; 3) tính không thể ngăn chặn, khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả

năng cho phép. Trong đó, pháp luật Pháp và Việt Nam đều có cách tiếp cận thống nhất về tính không thể lường trước và tính không thể khắc phục. Tuy nhiên, với tính khách quan của sự kiện bất khả kháng, việc xác định phạm vi xem xét tiêu chí này là sự kiện phải khách quan/nằm bên ngoài (external) so với các bên trong quan hệ hợp đồng đã thể hiện sự rõ ràng hơn của pháp luật Pháp so với BLDS Việt Nam năm 2015 khi khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 chỉ quy định “*sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan*” mà không nêu rõ phạm vi xem xét là với những chủ thể nào.

Tuy nhiên, ba tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng trên đã bị thay thế bởi khái niệm được quy định tại Điều 1218 khi BLDS Pháp được sửa đổi năm 2016. Cụ thể, sự kiện bất khả kháng trong lĩnh vực hợp đồng theo quy định hiện hành của BLDS Pháp là “*sự kiện mà bên có nghĩa vụ không kiểm soát được, không lường trước được một cách hợp lí tại thời điểm giao kết hợp đồng và các hệ quả của nó không thể tránh được bằng các biện pháp hợp lí, gây trở ngại cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ*”.

Có thể thấy, khái niệm trên tại Điều 1218 BLDS Pháp đã có những sự khác biệt nhất định so với cách tiếp cận về sự kiện bất khả kháng trước năm 2016 tại quốc gia này. Trong đó, Điều 1218 đã kế thừa hai tiêu chí được xác lập bởi các án lệ là 1) không thể lường trước được và 2) không thể khắc phục được hệ quả khi quy định sự kiện bất khả kháng “không lường trước được một cách hợp lí tại thời điểm giao kết hợp đồng” và “hệ quả của nó không thể tránh được bằng các biện pháp hợp lí, gây trở ngại cho việc

³ Catherine Renault (2020), “Covid-19 - legal concepts in France and Algeria; a civil law perspective”, *Systech*, <https://www.systech-int.com/insights/thoughts/covid-19-legal-concepts-in-france-and-algeria-a-civil-law-perspective>, truy cập 14/4/2025.

thực hiện nghĩa vụ”. Tuy nhiên, tiêu chí bên ngoài quan hệ đã được thay thế bằng “bên có nghĩa vụ không kiểm soát được” hay nói cách khác, BLDS Pháp chỉ đòi hỏi sự kiện bất khả kháng nằm ngoài sự kiểm soát của bên có nghĩa vụ, từ đó thay đổi về phạm vi chủ thể xem xét yếu tố kiểm soát được của sự kiện bất khả kháng.

Thứ hai, Cộng hoà Liên bang Đức

Khái niệm sự kiện bất khả kháng trong pháp luật Đức (höhere Gewalt) không được định nghĩa tại bất cứ văn bản luật nào của quốc gia này. Thay vào đó, sự kiện bất khả kháng và các tiêu chí nhận diện của sự kiện này lại được quy định thông qua hệ thống các án lệ của toà án Đức mà tiêu biểu là án lệ số X ZR 142/15 ngày 16/5/2017 của Toà án Liên bang⁴. Theo những án lệ trên, sự kiện bất khả kháng được định nghĩa là sự kiện đến từ bên ngoài, mang tính bất thường, không lường trước được và không thể ngăn chặn được ngay cả khi cẩn trọng nhất có thể trong chừng mực hợp lý. Có thể thấy, các tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng của toà án Đức về mặt nguyên tắc không có quá nhiều khác biệt so với cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam tại Điều 156 BLDS năm 2015 khi đưa ra ba đặc trưng chính là 1) tính khách quan, nằm ngoài quan hệ hợp đồng phát sinh trách nhiệm; 2) tính không thể lường trước; 3) tính không thể ngăn chặn,

khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, sự áp dụng các tiêu chí trên của toà án Đức lại có những nét tương đối đặc thù. Cụ thể, thiên tai và các vụ tấn công vũ trang thường được xem như những trường hợp tiêu biểu của sự kiện bất khả kháng. Mặc dù vậy, toà án Đức lại cho rằng những thiên tai như bão, sạt lở... dù nguy hiểm nhưng trong đa số trường hợp lại không phải điều “bất thường” (exceptional) và có khả năng khắc phục. Đối với các sự kiện khủng bố, toà án Đức cũng thường xem đây không phải sự kiện bất khả kháng bởi với tình hình an ninh được nâng cao cũng như sự xuất hiện không hiếm của loại sự kiện này tại Đức thì chúng cũng không còn được coi là bất thường, không thể lường trước⁵. Như vậy, nếu xét về mặt nguyên tắc thì các tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng trong pháp luật Đức không quá đặc thù, tuy nhiên qua quan điểm xét xử, có thể thấy pháp luật quốc gia này đã đặt yêu cầu rất cao đối với tiêu chí không thể lường trước được hay tính bất thường để sự kiện có thể được xác định là sự kiện bất khả kháng.

Về cơ sở pháp lý của LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng trong pháp luật Đức, bên cạnh một số trường hợp được quy định rõ ràng về vấn đề này như Điều 701 BLDS Đức quy định về việc chủ nhà trọ không phải chịu trách nhiệm nếu như thiệt

⁴ Phán quyết của Phòng Dân sự thứ X ngày 16/5/2017 - X ZR 142/15 - (Urteil des X. Zivilsenats vom 16.5.2017 - X ZR 142/15 -), <http://juris.bundesgerichtshof.de/cgi-bin/rechtsprechung/document.py?Gericht=bgh&Art=en&nr=78951&pos=0&anz=1>, truy cập 17/4/2025.

⁵ Johannes W Flume (2021), “Strict Liability in Austrian and German Law”, *Journal of European Tort Law*, <https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/jetl-2021-0012/html?lang=en>, truy cập 17/4/2025.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hại xảy ra là do sự kiện bất khả kháng, các trường hợp khác đều phải dựa trên các quy định chung mang tính nguyên tắc của Bộ luật này⁶. Tương tự như trách nhiệm dân sự trong pháp luật Pháp, trách nhiệm dân sự được quy định trong Điều 276 BLDS Đức là loại trách nhiệm dựa trên yếu tố lỗi. Do vậy, sự kiện bất khả kháng có thể làm LTTN do yếu tố lỗi trong trường hợp này đã không xuất hiện. Bên cạnh nguyên tắc trên, BLDS Đức cũng có quy định bên vi phạm nghĩa vụ có thể được LTTN nếu như nghĩa vụ đó là không thể thực hiện đối với bên có nghĩa vụ hoặc đối với bất kì chủ thể nào khác (Điều 275). Theo đó, với tính không thể khắc phục được của sự kiện bất khả kháng, hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự tác động của sự kiện này cũng có thể được coi là thuộc trường hợp nghĩa vụ được coi là không thể thực hiện theo Điều 275 BLDS Đức để LTTN⁷.

Thứ ba, Liên bang Nga

Sự kiện bất khả kháng với tư cách là căn cứ LTTN do VPHĐ được quy định khá rõ trong BLDS Nga⁸. Khoản 3 Điều 401 BLDS

Nga quy định: “bên không thực hiện hay thực hiện không đúng nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh phải chịu trách nhiệm, trừ trường hợp chứng minh được rằng vi phạm nghĩa vụ xảy ra là do sự kiện bất khả kháng...”. Theo đó, sự kiện bất khả kháng được quy định như ngoại lệ không phát sinh trách nhiệm của bên vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh.

Về khái niệm sự kiện bất khả kháng, đây cũng là vấn đề có nhiều điểm đặc biệt trong pháp luật Nga. Cụ thể, pháp luật Nga đã có cách tiếp cận tương đối khác biệt về sự kiện bất khả kháng so với quan điểm truyền thống thường được sử dụng tại các quốc gia châu Âu khác như Pháp hay Đức. Thậm chí trong khoa học pháp lý, Nga vẫn còn tồn tại nhiều luồng quan điểm về vấn đề sự kiện bất khả kháng trong pháp luật quốc gia này có đồng nhất với khái niệm *force majeure* tại các quốc gia khác hay không⁹.

Xét về mặt pháp luật thực định, khoản 3 Điều 401 đã định nghĩa vi phạm xảy ra do sự kiện bất khả kháng “tức là do xảy ra những hoàn cảnh bất thường và không thể khắc phục được trong bối cảnh đó”. Quy định này đã xác định hai tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng trong pháp luật Nga là 1) tính bất thường của sự kiện và 1) tính không thể khắc phục được. Theo đó, có thể thấy bộ ba tiêu

⁶ Bộ luật Dân sự Đức (Bürgerliches Gesetzbuch), https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_bgb/, truy cập 17/4/2025.

⁷ Ilya Kokorin (2015), “Force Majeure and Unforeseen Change of Circumstances. The Case of Embargoes and Currency Fluctuations (Russian, German and French Approaches)”, *Russian Law Journal*, tr. 59, https://www.researchgate.net/publication/282448237_Force_Majeure_and_Unforeseen_Change_of_Circumstances_The_Case_of_Embargoes_and_Currency_Fluctuations_Russian_German_and_French_Approaches, truy cập 17/4/2025.

⁸ Bộ luật Dân sự Nga (The Civil Code of the Russian Federation), https://www.wto.org/english/thewto_

[e/acc_e/rus_e/wtaccrus58_leg_360.pdf](e/acc_e/rus_e/wtaccrus58_leg_360.pdf), truy cập 16/4/2025.

⁹ Christopher Osakwe (2002), “Modern Russian Law of Contracts: A Functional Analysis”, *Loyola of Los Angeles International and Comparative Law Review*, Volume 24, tr. 237 - 238, <https://digitalcommons.lmu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1510&context=ilr>, truy cập 16/4/2025.

chỉ nhận diện sự kiện bất khả kháng theo quan điểm truyền thống đã không được BLDS Nga sử dụng, trong đó hai tiêu chí là tính khách quan và tính không thể lường trước được đã được thay thế bằng tiêu chí là tính bất thường của sự kiện.

Để làm rõ khái niệm sự kiện bất khả kháng được quy định trong BLDS, Toà án Thương mại tối cao Nga đã ban hành án lệ về vấn đề này. Tại án lệ này, Toà án đã đưa ra một số quan điểm về việc nhận diện sự kiện bất khả kháng như sau¹⁰:

Một là, tính bất thường của sự kiện bất khả kháng là phải “vượt ra ngoài những tình huống thông thường trong đời sống”

Hai là, sự kiện bất khả kháng cũng phải “không thể lường trước được một cách khách quan”. Tiêu chí này được hiểu là toà án xác định các bên có lường trước được sự kiện hay không chỉ dựa trên mặt khách quan mà không đánh giá các yếu tố thuộc về mặt chủ quan như khả năng hay kinh nghiệm của các bên có liên quan. Vụ việc điển hình để làm rõ tiêu chí này là toà án đã không coi lệnh hạn chế nhập khẩu động vật sống từ Liên minh châu Âu năm 2012 là sự kiện bất khả kháng. Toà án cho rằng sự kiện này không thoả mãn điều kiện “không thể lường trước được một cách khách quan” vì đã từng xảy ra trong quá khứ, không mang tính chất đặc biệt và thông tin về các lệnh hạn chế tương tự trước đây đã được công khai trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan Giám sát thú y và kiểm dịch thực vật Liên bang Nga.

Ba là, tính không thể khắc phục được của sự kiện bất khả kháng phải được hiểu khách quan, không phụ thuộc vào yếu tố chủ quan. Ví dụ, Toà án Thương mại tối cao Nga trong vụ việc tại Án lệ số A40-25926/2011-13-230 đã không coi hoả hoạn là sự kiện bất khả kháng vì xác định sự kiện này không thoả mãn điều kiện trên. Cụ thể, số lượng lính cứu hoả tham gia chữa cháy được xác định là yếu tố chủ quan và có liên quan trực tiếp tới việc ngăn chặn thiệt hại xảy ra khi lực lượng chữa cháy đã có thể tăng cường nhân lực tham gia. Do vậy, nếu như tác động của sự kiện có thể được làm giảm hoặc ngăn chặn bởi bất cứ chủ thể nào liên quan tới thiệt hại xảy ra/vi phạm nghĩa vụ thì sẽ không được coi là sự kiện bất khả kháng.

Qua đó, có thể thấy tính bất thường của sự kiện bất khả kháng trong pháp luật Nga phần nào cũng có những nét tương đồng với tính bất thường của sự kiện bất khả kháng trong pháp luật Đức trên phương diện “vượt ra ngoài những tình huống thông thường trong đời sống”. Tuy nhiên, đối với điều kiện về “không thể lường trước được một cách khách quan” hay tính không thể khắc phục được một cách khách quan của sự kiện bất khả kháng trong pháp luật Nga, có thể thấy chúng bó hẹp hơn rất nhiều so với các tiêu chí như không thể lường trước được hay không thể khắc phục được trong pháp luật các quốc gia khác. Từ đó khiến cho khả năng để các chủ thể chứng minh được sự kiện là sự kiện bất khả kháng để được LTTN cũng hạn chế hơn rất nhiều.

Thứ tư, Trung Quốc

Điều 180 BLDS Trung Quốc quy định: “Bất khả kháng là tình huống khách quan,

¹⁰ Án lệ số A40-25926/2011-13-230 ngày 21/6/2012 của Toà án Thương mại tối cao Liên bang Nga. Xem thêm tại: Ilya Kokorin (2015), *ltdđ*, tr. 52 - 53.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

không thể dự kiến, không thể tránh khỏi và không thể khắc phục”¹¹. Cách định nghĩa trên của BLDS Trung Quốc đã được kế thừa hoàn toàn từ khái niệm sự kiện bất khả kháng tại Điều 153 Nguyên tắc chung của Luật dân sự Trung Quốc năm 1986¹². Theo đó, pháp luật Trung Quốc đã tiếp cận sự kiện bất khả kháng với ba tiêu chí nhận diện là: 1) tính khách quan; 2) tính không thể lường trước (dự kiến trước); 3) tính không thể khắc phục (không thể tránh khỏi và khắc phục). Tuy nhiên, cách định nghĩa về sự kiện bất khả kháng này trong pháp luật Trung Quốc còn khá mơ hồ và gây ra nhiều cách hiểu khác nhau. Cụ thể, một số quan điểm cho rằng sự kiện bất khả kháng với các tiêu chí nhận diện trên sẽ chỉ bao gồm các sự kiện tự nhiên, không bao gồm các sự kiện xã hội. Theo luồng quan điểm này, các sự kiện xã hội, ở một góc độ, vẫn có thể lường trước hoặc khắc phục được. Ở luồng quan điểm ngược lại, các học giả lại cho rằng các sự kiện xã hội như chiến tranh, bạo động, đình công... nên được coi là sự kiện bất khả kháng vì có thể nằm ngoài ý chí và khả năng kiểm soát của bên vi phạm/bên gây thiệt hại và bên bị vi phạm/bên bị thiệt hại¹³.

Trong thực tiễn xét xử, toà án Trung Quốc có xu hướng ghi nhận sự kiện bất khả kháng bao gồm cả các sự kiện tự nhiên lẫn các sự kiện xã hội. Cụ thể, những loại sự kiện đã từng được toà án Trung Quốc nhận diện là sự kiện bất khả kháng có thể kể đến như thiên tai, thời tiết bất thường, nhà nước thu hồi quyền sử dụng đất hoặc các quyết định hành chính khác. Tuy nhiên, toà án Trung Quốc chủ yếu chỉ tập trung vào tính không thể lường trước và không thể khắc phục của sự kiện hoặc tác động của sự kiện đối với việc đạt được mục đích của hợp đồng¹⁴. Do vậy, cách hiểu về thuật ngữ “tình huống khách quan” trong định nghĩa sự kiện bất khả kháng của BLDS Trung Quốc vẫn chưa thực sự được làm rõ.

Về vấn đề LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng, BLDS Trung Quốc đang có quy định áp dụng chung và quy định riêng về vấn đề này:

Thứ nhất, Điều 180 quy định: “Người không thể thực hiện được nghĩa vụ dân sự do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Xét về mặt kết cấu, Điều 180 nằm ở Chương VIII (trách nhiệm dân sự) trong Quyển 1 - Những vấn đề chung của BLDS Trung Quốc. Với cách quy định như vậy, có thể dẫn tới cách hiểu rằng Điều 180 đã đưa ra cách áp dụng chung về LTTN do sự kiện bất khả kháng đối với tất cả các loại trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, điều luật này

¹¹ Bộ luật Dân sự nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (中华人民共和国民法典), https://www.gov.cn/xinwen/2020-06/01/content_5516649.htm, truy cập 17/4/2025.

¹² Nguyên tắc chung của Luật dân sự Trung Quốc năm 1986 (中华人民共和国民事诉讼法通则), <https://www.gjxfj.gov.cn/gjxfj/xxgk/fgwj/flfg/webinfo/2016/03/1460585589980823.htm>, truy cập 17/4/2025.

¹³ Mo Zhang (2011), “Tort Liabilities and Torts Law: The New Frontier of Chinese Legal Horizon”, *Richmond Journal of Global Law & Business*, Volume 10, tr. 463, <https://scholarship.richmond.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1132&context=global>, truy cập 16/4/2025.

¹⁴ Bradford Olson (2020), “Force Majeure in China”, *Columbia Journal of Asian Law*, Volume 33, tr. 303, tr. 313 - 314. <https://academiccommons.columbia.edu/doi/10.7916/pm8e-qh43>, truy cập 16/4/2025.

còn quy định “trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” mà tại các chương về trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, BLDS Trung Quốc cũng có các quy định riêng về LTTN do sự kiện bất khả kháng. Vì vậy, dường như nội dung về loại trừ trách nhiệm dân sự do sự kiện bất khả kháng tại Điều 180 BLDS Trung Quốc không còn quá nhiều ý nghĩa khi trên thực tế để được LTTN các chủ thể đều phải thực hiện theo các quy định riêng đối với loại trách nhiệm tương ứng.

Thứ hai, Điều 590 BLDS Trung Quốc quy định riêng về LTTN khi vi phạm nghĩa vụ xảy ra do sự kiện bất khả kháng. Điều luật này đã quy định lại nguyên tắc được ghi nhận tại Điều 180: “Bên không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng sẽ được loại trừ một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm tương ứng với mức độ tác động của sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Đồng thời, Điều 590 cũng đã quy định thêm nghĩa vụ thông báo và cung cấp minh chứng về sự kiện bất khả kháng kịp thời cho bên vi phạm trong trường hợp này. Tuy nhiên, điều luật này lại không quy định rõ về hậu quả pháp lý của việc bên vi phạm không thực hiện đúng nghĩa vụ thông báo và cung cấp minh chứng này.

Qua những phân tích, có thể thấy pháp luật của các quốc gia trên thế giới có những cách tiếp cận khác nhau về sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, những tính chất, đặc điểm cơ bản của sự kiện bất khả kháng như tính nằm bên ngoài quan hệ hợp đồng, tính không thể lường trước (bất thường), tính không thể khắc phục đã có sự tương đồng nhất định,

cho dù cách diễn giải hoặc phạm vi, mức độ áp dụng vẫn còn tồn tại những nét đặc thù.

2.2. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm

LTTN khi VPHĐ xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm chưa thực sự được quy định rõ nét trong pháp luật của các quốc gia được nghiên cứu. Pháp luật của các quốc gia này chủ yếu dựa vào nguyên tắc trách nhiệm dân sự phát sinh từ yếu tố lỗi để từ đó giảm hoặc loại trừ hoàn toàn trách nhiệm tương ứng với mức độ lỗi của bên bị vi phạm.

Đối với pháp luật Pháp, BLDS Pháp không có quy định trực tiếp nào về LTTN khi VPHĐ xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, toà án Pháp vẫn áp dụng căn cứ này để giảm hoặc loại trừ trách nhiệm dân sự trong cả lĩnh vực hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng¹⁵. Việc áp dụng như vậy là có cơ sở vì xét về mặt nguyên tắc, trách nhiệm dân sự nói chung và trách nhiệm do VPHĐ nói riêng trong BLDS Pháp chỉ phát sinh khi có lỗi của bên VPHĐ, do vậy nếu chủ thể này không có lỗi thì điều kiện phát sinh trách nhiệm cũng không thỏa mãn.

Trong pháp luật Đức, LTTN khi VPHĐ xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm được ghi

¹⁵ P. Jourdain (1993), “Droit à réparation. - Lien de causalité - Pluralité des causes du dommage”, *JCl Civil Code*. Trích từ Sandy Steel (2019), “Defences to Tortious and Contractual Liability in French Law”, *French Civil Liability in Comparative Perspective*, tr. 298, https://ora.ox.ac.uk/objects/uuid:4eaa5126-f61f-4d13-a24c-3786fd1d6ea0/download_file?file_format=application%2Fpdf&safe_filename=Steel_2019_Defences_to_tortious_and_contractual.pdf&type_of_work=Book+section, truy cập 16/4/2025.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

nhận gián tiếp thông qua quy định về cách xác định mức bồi thường thiệt hại. Theo Điều 254 BLDS Đức, nếu bên bị thiệt hại có lỗi dẫn tới thiệt hại xảy ra thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại cũng sẽ được xác định tùy thuộc vào hoàn cảnh, dựa trên mức độ lỗi của các bên. Theo đó, nếu như thiệt hại xảy ra là do lỗi của bên bị thiệt hại thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại cũng sẽ được loại trừ. Tương tự, pháp luật Trung Quốc cũng có cách quy định về việc giảm hoặc LTTN tương ứng với mức độ lỗi của các bên. Đoạn 2 Điều 592 BLDS Trung Quốc quy định, nếu bên bị thiệt hại có lỗi trong việc để thiệt hại xảy ra thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bên gây thiệt hại sẽ được giảm tương ứng với mức độ lỗi¹⁶. Theo đó, nếu thiệt hại xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm thì trách nhiệm do VPHĐ sẽ được loại trừ.

Khác với các quốc gia trên, BLDS Nga lại có cách tiếp cận trực tiếp hơn về căn cứ LTTN do VPHĐ này. Cụ thể, khoản 1 Điều 401 BLDS Nga quy định: “Bên không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm nếu có lỗi cố ý hoặc vô ý”. Theo đó, nếu bên vi phạm nghĩa vụ không có lỗi thì trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ của chủ thể này cũng sẽ không phát sinh, hay nói cách khác, được loại trừ. Để được LTTN, BLDS Nga đòi hỏi bên VPHĐ

phải chứng minh được sự không có lỗi của họ khi khoản 2 Điều 401 quy định: “Việc chứng minh không có lỗi thuộc về người vi phạm nghĩa vụ”. Đồng thời, người được xác định là không có lỗi khi “người đó đã thực hiện mọi biện pháp theo khả năng có thể để thực hiện đúng nghĩa vụ của mình với độ chú tâm cần thiết mà quan hệ nghĩa vụ và các quy tắc giao dịch đòi hỏi”. Từ quy định mang tính nguyên tắc tại Điều 401, BLDS Nga cũng đã có sự ghi nhận cụ thể về LTTN khi VPHĐ xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm tại Điều 404.

Qua phân tích trên, có thể thấy pháp luật tại những quốc gia được nghiên cứu chưa thực sự quy định rõ ràng về căn cứ LTTN khi VPHĐ xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm. Trong đó, pháp luật của đa số các quốc gia trên chưa có cách ghi nhận trực tiếp lỗi của bên bị vi phạm là căn cứ giúp LTTN do vi phạm nghĩa vụ như tại khoản 3 Điều 351 BLDS Việt Nam năm 2015. Thay vào đó, việc LTTN trong trường hợp này chủ yếu được thực hiện trên cơ sở áp dụng nguyên tắc lỗi trong trách nhiệm dân sự.

2.3. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm theo thoả thuận

Thoả thuận LTTN do VPHĐ chủ yếu được pháp luật các quốc gia công nhận trên cơ sở nguyên tắc tự do hợp đồng của pháp luật dân sự. Theo đó, các bên trong quan hệ hợp đồng được tự do thoả thuận về vấn đề trách nhiệm do VPHĐ, bao gồm cả vấn đề loại trừ loại trách nhiệm này. Tại các quốc gia đang nghiên cứu, pháp luật cũng đã có sự kiểm soát nhất định đối với nội dung thoả thuận LTTN do VPHĐ để đảm bảo không có sự lạm dụng:

¹⁶ Như đã phân tích ở trên, pháp luật Trung Quốc (tại chương về trách nhiệm do VPHĐ, từ Điều 577 đến Điều 594 BLDS Trung Quốc) không có quy định trực tiếp về việc loại trừ trách nhiệm xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm như pháp luật Nga hay pháp luật Việt Nam. Thay vào đó, Điều 592 chỉ quy định bên vi phạm được giảm trách nhiệm tương ứng với phần lỗi của bên bị vi phạm.

Thứ nhất, Cộng hoà Pháp

BLDS Pháp đưa ra những giới hạn nhất định đối với thoả thuận LTTN do VPHĐ khi quy định về những trường hợp thoả thuận này bị vô hiệu, cụ thể bao gồm:

- Thoả thuận LTTN do vi phạm nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng (Điều 1170)¹⁷;

- Thoả thuận LTTN trong hợp đồng mẫu tạo ra sự mất cân đối đáng kể về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng (Điều 1171);

- Thoả thuận LTTN do hàng hoá có khuyết tật (Điều 1245-14). Tuy nhiên, hạn chế có ngoại lệ đối với trường hợp tài sản không được bên bị thiệt hại sử dụng chủ yếu cho tiêu dùng cá nhân;

- Trong trường hợp bên vi phạm lừa dối hoặc có lỗi bất cẩn nghiêm trọng thì thoả thuận LTTN cũng không được áp dụng;

- Thoả thuận làm giảm hoặc tước bỏ quyền được bồi thường thiệt hại của người tiêu dùng¹⁸.

¹⁷ Điều 1170 BLDS Pháp quy định: “*Mọi điều khoản làm nghĩa vụ cơ bản của bên có nghĩa vụ mất đi nội dung chính yếu của nó đều được coi là không tồn tại*”. Theo cách tiếp cận của BLDS Pháp, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ cơ bản cũng có thể được coi là một trong những nội dung chính yếu của nghĩa vụ này. Theo Rowan Solene (2017), “The new French law of contract”, *International & Comparative Law Quarterly*, tr. 11, https://eprints.lse.ac.uk/75815/1/Rowan_New%20French%20law_2017.pdf, truy cập 15/4/2025.

¹⁸ Pierre Mallet, Najlaa T Flayyih (2020), “Information Management for the Fate of the Limitation of Liability Clauses After the Termination of the Contract in French Law”, *International Journal of Construction Supply Chain Management*, tr. 415, https://www.researchgate.net/publication/349346811_415_Information_Management_for_the_Fate_of_the_Limitation_of_Liability_Clauses_After_the_

Thứ hai, Cộng hoà Liên bang Đức

Thông qua các quy định của BLDS Đức và các án lệ của quốc gia này, các trường hợp không áp dụng thoả thuận LTTN cũng được ghi nhận tương đối đa dạng và khá rõ ràng. Theo đó, pháp luật Đức hiện đang quy định các trường hợp không áp dụng thoả thuận LTTN bao gồm:

Một là, VPHĐ xảy ra do lỗi cố ý của bên vi phạm: Khoản 3 Điều 276 BLDS Đức quy định bên vi phạm nghĩa vụ sẽ không được LTTN nếu như có lỗi cố ý đối với hành vi vi phạm. Cho dù quy định trên mang tính chất áp dụng chung cho tất cả các căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự, tuy nhiên nếu bên vi phạm có lỗi cố ý thì đương nhiên các căn cứ LTTN theo luật định như sự kiện bất khả kháng cũng không thể được áp dụng. Do vậy, có thể thấy sự hạn chế này chủ yếu là hướng tới trường hợp LTTN theo thoả thuận.

Hai là, thoả thuận LTTN đối với hành vi gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe con người với lỗi bất cẩn nghiêm trọng: Điều 309 BLDS Đức quy định điều khoản LTTN đối với hành vi gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe con người với lỗi bất cẩn nghiêm trọng là điều khoản bị cấm không được thoả thuận trong hợp đồng. Hành vi gây thiệt hại do lỗi bất cẩn nghiêm trọng là trường hợp gây thiệt hại (không thuộc trường hợp cố ý) do không tuân thủ những tiêu chuẩn cần trọng tối thiểu. Hành vi không tuân thủ những tiêu chuẩn cần trọng tối thiểu là hành vi không thể chấp nhận được và do vậy

Termination of the Contract in French Law, truy cập 15/4/2025.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

không thể LTTN do hành vi này gây ra cho dù giữa các bên đã có thoả thuận¹⁹.

Ba là, thoả thuận LTTN đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng: Đây là trường hợp không áp dụng thoả thuận LTTN được ghi nhận thông qua án lệ. Cụ thể, tại án lệ số I ZR 58/03 ngày 15/9/2005 của Toà án Liên bang Đức²⁰, thoả thuận LTTN đối với vi phạm nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng sẽ bị coi là vô hiệu do đã tạo ra sự bất lợi bất hợp lý cho một bên. Đồng thời, theo quy định tại Điều 307 BLDS Đức, bất cứ điều khoản nào đi ngược lại nguyên tắc thiện chí, tạo ra sự bất lợi bất hợp lý cho một bên sẽ bị coi là vô hiệu. Có thể thấy, sự giới hạn này của pháp luật Đức là rất hợp lý bởi nghĩa vụ cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các bên đạt được mục đích của hợp đồng cũng như định hình quan hệ hợp đồng đó. Nếu như một bên được cho phép vi phạm những nghĩa vụ này thông qua thoả thuận LTTN thì mục đích của hợp đồng sẽ không được đảm bảo cũng như tính chất của quan hệ hợp đồng này có thể sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

¹⁹ Nguyễn Lan Anh (2017), *Một số vấn đề pháp lý về điều khoản miễn trách nhiệm*, <https://tapchi.ftu.edu.vn/cac-so-tap-chi-ktkn/tap-chi-ktkn-so-81-90/tap-chi-ktkn-so-86/1397-mot-so-van-de-phap-ly-ve-dieu-khoan-mien-trach-nhiem.html>, truy cập 17/4/2025.

²⁰ Bản án của Toà án Liên bang ngày 15/9/2005 - I ZR 58/03 (Urteil des Bundesgerichtshofs vom 15/9/2005 - I ZR 58/03), <https://dejure.org/dienste/vernetzung/rechtsprechung?Gericht=BGH&Datum=15.09.2005&Aktenzeichen=IZR58/03>, <https://dejure.org/dienste/vernetzung/rechtsprechung?Gericht=BGH&Datum=15.09.2005&Aktenzeichen=I%20ZR%2058/03>, truy cập 17/4/2025.

Bốn là, thoả thuận LTTN không rõ ràng: Trong thực tiễn xét xử, toà án Đức có xu hướng xác định những thoả thuận LTTN có nội dung không rõ ràng là vô hiệu. Sự không rõ ràng ở đây được hiểu là các bên đã thoả thuận quá chung chung về trách nhiệm được loại trừ hay những trường hợp được LTTN. Để làm rõ vấn đề này, có thể xem xét vụ án tại Toà án cấp cao Karlsruhe như sau: A và B xác lập hợp đồng mà theo đó A là bên đào tạo lái xe còn B là bên tham gia đào tạo. Trong hợp đồng các bên đã thoả thuận A được LTTN, trừ trường hợp có lỗi cố ý hoặc có lỗi bất cẩn nghiêm trọng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, xe của B đã bị thiệt hại và B yêu cầu A bồi thường thiệt hại nhưng A đã từ chối do có thoả thuận LTTN. Khi vụ án này được đưa ra xét xử, Toà án đã nhận định thoả thuận LTTN trong hợp đồng là quá chung chung và không nêu chi tiết những trường hợp LTTN, do vậy không thể được áp dụng²¹. Như vậy, có thể thấy pháp luật Đức cũng yêu cầu thoả thuận LTTN phải nêu rõ các trường hợp loại trừ cụ thể thì mới có thể được công nhận. Điều này cũng có những điểm hợp lý nhất định khi những thoả thuận LTTN quá chung chung với phạm vi loại trừ rộng sẽ có thể dẫn tới sự lạm dụng loại thoả thuận này.

Thứ ba, Liên bang Nga

BLDS Nga chỉ quy định giới hạn duy nhất đối với thoả thuận LTTN do VPHĐ tại

²¹ Anton N. Shamne (2020), "Exclusion Of Contractual Liability In The Roman-Germanic System Of Civil Law", *Individual and Society in the Modern Geopolitical Environment*, <https://www.europeanproceedings.com/article/10.15405/epsbs.2020.12.04.95>, truy cập 17/4/2025.

khoản 4 Điều 401 Bộ luật này: “Thoả thuận từ trước về việc loại trừ hay giảm trách nhiệm trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ do lỗi cố ý đều không được công nhận”. Theo quy định này, trước khi vi phạm nghĩa vụ xảy ra mà các bên có thoả thuận về việc LTTN trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ với lỗi cố ý thì thoả thuận này sẽ bị vô hiệu.

Thứ tư, Trung Quốc

Có sự tương đồng nhất định so với pháp luật của các quốc gia đã phân tích trên, Điều 506 BLDS Trung Quốc đã đưa ra hai trường hợp sau mà thoả thuận LTTN sẽ bị vô hiệu: 1) Gây thiệt hại về nhân thân cho bên còn lại; 2) Có lỗi cố ý hoặc lỗi bất cẩn nghiêm trọng.

Liên quan tới trường hợp các bên không được thoả thuận LTTN đối với hành vi gây thiệt hại về nhân thân cho một bên, vấn đề được đặt ra chính là nếu một chủ thể tự nguyện tham gia vào hoạt động mạo hiểm, tiềm ẩn nguy cơ thiệt hại về tính mạng, sức khỏe thì vấn đề LTTN sẽ được thực hiện như thế nào. Về nguyên tắc, quy định tại Điều 506 BLDS Trung Quốc không cho phép người tham gia thoả thuận với bên tổ chức hoặc người tham gia khác để LTTN nếu có thiệt hại về tính mạng, sức khỏe xảy ra trong quá trình tham gia hoạt động. Tuy nhiên, pháp luật Trung Quốc cũng đã dự liệu về trường hợp này tại Điều 1176. Cụ thể, người tự nguyện tham gia vào hoạt động thể thao, giải trí có tiềm ẩn rủi ro và bị thiệt hại bởi hành vi của người tham gia khác thì không được yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp thiệt hại xảy ra là do lỗi cố ý hoặc bởi lỗi bất cẩn nghiêm trọng. Theo quy định này, pháp luật Trung Quốc đã thừa nhận việc LTTN do bên bị thiệt hại chấp nhận rủi ro

mà không cần các bên phải thoả thuận về vấn đề này.

2.4. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về các căn cứ khác loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Hiện nay, pháp luật của các quốc gia trên thế giới đều có sự ghi nhận khá rộng rãi về các trường hợp đặc biệt mà ở đó hành vi gây thiệt hại được pháp luật cho phép và từ đó không làm phát sinh trách nhiệm. Có thể kể tới các trường hợp như phòng vệ chính đáng, hành động trong tình thế cấp thiết, thực hiện yêu cầu của luật, thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các điều từ Điều 227 đến Điều 229 BLDS Đức; các điều 181, 182, 184 BLDS Trung Quốc. Với những trường hợp này, pháp luật của các quốc gia trên thế giới thường không có những quy định riêng xác định chúng là căn cứ LTTN do VPHĐ. Thay vào đó, pháp luật thường quy định một cách nguyên tắc, coi việc gây thiệt hại hay vi phạm nghĩa vụ trong những trường hợp nêu trên là không trái luật, từ đó chủ thể không phải chịu trách nhiệm²².

Vấn đề LTTN do VPHĐ trong trường hợp này cũng được giải thích khá rõ thông qua các quan điểm của tòa án Pháp. Trong khoa học pháp lý Pháp, thuật ngữ *faits justificatifs* được sử dụng để chỉ những trường hợp có tính chất tương tự như trên. *Faits justificatifs* bao gồm các căn cứ: phòng

²² Bé Hoài Anh, Nguyễn Tổng Bảo Minh (2024), “Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm dân sự và một số gợi mở cho Việt Nam”, *Loại trừ trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 234 - 271.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vệ chính đáng (légitime défense); tình thế cấp thiết (état de nécessité); do thực hiện yêu cầu của luật (ordre de la loi; permission de la loi); do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (commandement de l'autorité légitime). Các toà án Pháp cho rằng trách nhiệm dân sự trong những trường hợp này được loại trừ là do sự áp dụng trực tiếp các nguyên tắc của pháp luật dân sự về việc xác định trách nhiệm²³. Theo các học giả và các toà án Pháp, faits justificatifs làm loại trừ trách nhiệm dân sự do có khả năng làm khuyết đi một trong những điều kiện phát sinh trách nhiệm, cụ thể như sau²⁴:

Một là, hành vi VPHĐ trong faits justificatifs được xác định là không có lỗi

Các học giả Pháp thường xác định đặc điểm chung của nhóm căn cứ loại trừ này là những hoàn cảnh mà ở đó hành vi gây thiệt hại hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ được coi là không có lỗi²⁵. Sự liên hệ giữa

“không có lỗi” và loại trừ trách nhiệm dân sự là do trong pháp luật Pháp, về nguyên tắc yếu tố lỗi được xác định là một trong những điều kiện phát sinh của trách nhiệm dân sự. Do vậy, các căn cứ làm loại bỏ yếu tố lỗi đối với hành vi VPHĐ đương nhiên cũng sẽ không làm phát sinh trách nhiệm dân sự.

Hai là, thiệt hại xảy ra trong faits justificatifs là những thiệt hại trong phạm vi pháp luật cho phép

Toà Phá án Pháp (Cour de Cassation) đã đưa ra quan điểm cho rằng faits justificatifs không chỉ làm loại bỏ yếu tố lỗi mà còn làm mất đi tính “trái luật” (illicéité) của hành vi²⁶. Trên cơ sở đó, điều kiện để làm phát sinh trách nhiệm do VPHĐ chính là hành vi gây thiệt hại phải là hành vi trái luật, không được pháp luật cho phép. Theo đó, nếu như hành vi gây thiệt hại thuộc những trường hợp trong faits justificatifs thì sẽ được coi là đã được pháp luật cho phép nên không thể đặt ra trách nhiệm dân sự đối với hành vi này.

3. Một số gợi mở cho Việt Nam về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Tại những quốc gia được nghiên cứu trong bài viết, các căn cứ LTTN do VPHĐ được ghi nhận linh hoạt trong đa dạng các

²³ Hajer Rouidi (2016), “Une notion pénale à l'épreuve de la responsabilité civile: les faits justificatifs”, *Revue de science criminelle et de droit pénal comparé* [tạm dịch: “Tiếp cận dưới góc độ trách nhiệm dân sự khái niệm “faits justificatifs” trong Bộ luật Hình sự”, *Tạp chí Tội phạm học và Luật hình sự so sánh*], No. 1, <https://www.cairn.info/revue-de-science-criminelle-et-de-droit-penal-compare-2016-1-page-17.htm#no1>, truy cập 14/4/2025.

²⁴ Sandy Steel (2019), tlđđ, tr. 291, https://ora.ox.ac.uk/objects/uuid:4eaa5126-f61f-4d13-a24c-3786fd1d6ea0/download_file?file_format=application%2Fpdf&safe_filename=Steel_2019_Defences_to_tortious_and_contractual.pdf&type_of_work=Book+section, truy cập 12/4/2025.

²⁵ S Hocquet-Berg (2018), “Synthèse - Faute délictuelle”, *JCI Responsabilité civile et assurances* [tạm dịch: *Tổng quan về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, JCI Trách nhiệm dân sự và bảo hiểm*], tr. 31.

Trích từ: Sandy Steel (2019), tlđđ, tr. 291, https://ora.ox.ac.uk/objects/uuid:4eaa5126-f61f-4d13-a24c-3786fd1d6ea0/download_file?file_format=application%2Fpdf&safe_filename=Steel_2019_Defences_to_tortious_and_contractual.pdf&type_of_work=Book+section, truy cập 12/4/2025.

²⁶ Sandy Steel (2019), tlđđ, tr. 291, https://ora.ox.ac.uk/objects/uuid:4eaa5126-f61f-4d13-a24c-3786fd1d6ea0/download_file?file_format=application%2Fpdf&safe_filename=Steel_2019_Defences_to_tortious_and_contractual.pdf&type_of_work=Book+section, truy cập 12/4/2025.

văn bản pháp luật. Một số quốc gia như Nga, Trung Quốc lại có cách quy định tương đối tập trung, chi tiết về các căn cứ LTTN do VPHĐ ngay trong BLDS. Trong khi đó, các quốc gia như Pháp, Đức cho dù cũng có những quy định về LTTN do VPHĐ trong BLDS nhưng cũng phát huy vai trò to lớn của hệ thống án lệ trong việc cụ thể hoá các căn cứ LTTN do VPHĐ, đặc biệt là việc làm rõ các tiêu chí nhận diện những căn cứ này. Việc sử dụng án lệ để làm rõ tiêu chí nhận diện căn cứ LTTN do VPHĐ như trên cũng thể hiện sự phù hợp nhất định, đặc biệt là khi các căn cứ LTTN thường khá đa dạng trong thực tiễn và có thể dẫn tới những cách áp dụng không thống nhất nếu thiếu đi những định hướng cụ thể.

BLDS Việt Nam năm 2015 cho dù cũng đã có những quy định về LTTN do VPHĐ, tuy nhiên những quy định này cũng chưa thực sự rõ ràng, dẫn tới nhiều quan điểm khác biệt trong việc nhận diện và áp dụng pháp luật. Chẳng hạn như các tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng tại khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 chưa xác định phạm vi xem xét với các chủ thể nào, tại thời điểm nào; quy định tại Điều 351 BLDS năm 2015 cũng chưa quy định rõ những hành vi gây thiệt hại được pháp luật cho phép như tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có phải là căn cứ LTTN do VPHĐ hay không.

Từ những khoảng trống nêu trên trong các quy định của BLDS năm 2015 có thể thấy, cần sử dụng đa dạng hơn cách thức quy định về căn cứ LTTN do VPHĐ, trong đó đặc biệt là phải phát huy vai trò của án lệ

trong vấn đề này như các quốc gia được nghiên cứu. Điều này là do, với tính khái quát cao của văn bản quy phạm pháp luật, sẽ khó có thể đưa ra những nội dung cụ thể, giúp định hướng cách nhận diện các căn cứ LTTN so với các hình thức khác như án lệ hay văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.1. Nhận diện sự kiện bất khả kháng trong loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Theo quy định tại khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015, các tiêu chí để nhận diện sự kiện bất khả kháng theo pháp luật Việt Nam bao gồm: 1) tính khách quan; 2) tính không thể lường trước được; 3) tính không thể khắc phục được. Có thể thấy, quy định về sự kiện bất khả kháng tại BLDS năm 2015 vẫn chưa thực sự rõ ràng, thể hiện thông qua việc trong khoa học pháp lý hiện nay còn tồn tại nhiều quan điểm trái chiều trong việc luận giải các tiêu chí nhận diện. Nếu như tiêu chí về tính không thể khắc phục được của sự kiện bất khả kháng hiện đã có được sự tương đồng nhất định giữa các quan điểm thì hai tiêu chí còn lại vẫn còn những cách tiếp cận khác nhau. Trước tiên, về tính khách quan của sự kiện bất khả kháng, vì khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 không xác định rõ sự kiện bất khả kháng phải khách quan đối với những chủ thể nào, dẫn tới các cách hiểu sau: 1) Sự kiện bất khả kháng xảy ra không phụ thuộc vào ý chí của bất kì chủ thể nào²⁷; 2) Sự kiện bất

²⁷ Trần Thị Huệ, Nguyễn Văn Cừ (2019), “Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo pháp luật Việt Nam, so chiếu với pháp luật của một số quốc gia thuộc Liên minh châu Âu”, *Kỷ yếu hội thảo Trách nhiệm dân sự và*

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

khả kháng xảy ra khách quan so với các bên trong quan hệ được xem xét²⁸; 3) Sự kiện bất khả kháng xảy ra khách quan so với bên vi phạm²⁹. Về tính không thể lường trước được, quy định pháp luật vẫn còn để ngỏ vấn đề về thời điểm xem xét tính chất này của sự kiện hoặc thể nào chủ thể mới được coi là không lường trước được. Thực trạng có thể là do pháp luật Việt Nam vẫn chưa có những án lệ để làm rõ các tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng hay các thuật ngữ được sử dụng tại khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 vẫn còn gây ra nhiều cách hiểu. Qua nghiên cứu, có thể hoàn thiện pháp luật về vấn đề này như sau:

Thứ nhất, thay thế cụm từ “sự kiện xảy ra một cách khách quan” bằng “sự kiện nằm ngoài sự kiểm soát của các bên” khi định nghĩa về sự kiện bất khả kháng trong trách nhiệm dân sự

Việc quy định sự kiện bất khả kháng là sự kiện “xảy ra một cách khách quan” có thể dẫn đến những quan điểm trái chiều về vấn đề liệu các hiện tượng xã hội (ví dụ như chiến tranh, bạo động, đình công) có thể được coi là sự kiện bất khả kháng hay không bởi nếu hiểu theo một cách khái quát nhất,

tính khách quan nghĩa là phát sinh và tồn tại độc lập so với ý thức chủ quan của con người. Do đó, sự kiện xảy ra một cách khách quan phải là sự kiện không phụ thuộc vào ý thức của con người hay nói cách khác, phải là hiện tượng tự nhiên. Cách hiểu này sẽ loại trừ khả năng hiện tượng xã hội được coi là sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trên thực tế sự kiện bất khả kháng vẫn thường được coi là có thể bao gồm cả các hiện tượng tự nhiên và các hiện tượng xã hội. Do vậy, việc sử dụng thuật ngữ “khách quan” khi định nghĩa về sự kiện bất khả kháng là chưa thực sự phù hợp.

Qua nghiên cứu, các quốc gia trên thế giới thường sử dụng các thuật ngữ, cụm từ rõ ràng hơn để mô tả cụ thể tính chất này của sự kiện bất khả kháng. Trong pháp luật Pháp trước năm 2016 và pháp luật Đức đều xác định sự kiện bất khả kháng phải nằm ngoài quan hệ hợp đồng đang được xem xét, nói cách khác phải không phụ thuộc vào ý chí của các bên trong quan hệ hợp đồng. Cùng với đó, Điều 1218 BLDS Pháp năm 2016 lại quy định tính chất này của sự kiện bất khả kháng là “bên có nghĩa vụ không kiểm soát được”, tuy nhiên cách tiếp cận này sẽ không loại trừ được trường hợp bên bị vi phạm có lỗi (ví dụ như sự kiện do bên bị vi phạm gây ra mà bên vi phạm không thể kiểm soát khiến cho nghĩa vụ không thể thực hiện) - trường hợp này sẽ thuộc phạm vi của căn cứ LTTN khi vi phạm xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm. Từ đó, có lẽ cách tiếp cận sự kiện bất khả kháng không phụ thuộc vào ý chí của các bên trong quan hệ hợp đồng sẽ phù hợp hơn vì có thể bao quát được cả các hiện tượng xã hội nhưng đồng thời cũng thể hiện

hợp đồng: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên minh châu Âu, Đại học Huế & Hội hợp tác pháp lý châu Âu và Việt Nam phối hợp tổ chức, tr. 104.

²⁸ Đỗ Giang Nam, Trần Quang Cường (2021), “Thiên nga đen - Covid-19 và cơ chế điều chỉnh pháp luật hợp đồng Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 13, <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210817>, truy cập 03/12/2023.

²⁹ Đinh Văn Cường (2021), *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 118.

được tính không phụ thuộc vào các bên trong quan hệ hợp đồng. Vì vậy, cụm từ “sự kiện xảy ra một cách khách quan” tại khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 nên được thay bằng cụm từ “sự kiện nằm ngoài sự kiểm soát của các bên” để có được cách hiểu tường minh và thống nhất hơn về tính chất này của sự kiện bất khả kháng.

Thứ hai, quy định cụ thể về thời điểm không thể lường trước được sự kiện

Hiện nay, khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 mới chỉ quy định sự kiện bất khả kháng là sự kiện “không thể lường trước được” và để mở vấn đề thời điểm xác định tính chất không thể lường trước này là thời điểm nào, đồng thời pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định về cách thức xem xét, đánh giá thế nào là chủ thể đã không lường trước được sự kiện. Về vấn đề này, tại các quốc gia được nghiên cứu vẫn tồn tại hai luồng quan điểm lập pháp:

Một là, sự kiện bất khả kháng là sự kiện không thể lường trước tại thời điểm giao kết hợp đồng: Đây là cách tiếp cận của pháp luật Pháp về sự kiện bất khả kháng trong lĩnh vực hợp đồng khi Điều 1218 BLDS nước này quy định sự kiện bất khả kháng là sự kiện “không thể lường trước được một cách hợp lý tại thời điểm giao kết hợp đồng”. Với cách tiếp cận này, tính không thể lường trước của sự kiện bất khả kháng trong lĩnh vực hợp đồng được xem xét tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng. Cách quy định cụ thể như trên của BLDS Pháp có ý nghĩa nhất định giúp đảm bảo cách áp dụng thống nhất, đồng bộ.

Hai là, sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra đột ngột, bất thường, vượt ra ngoài

những tình huống thông thường trong cuộc sống: Đây là cách tiếp cận hẹp hơn về tính không thể lường trước của sự kiện bất khả kháng, được áp dụng trong pháp luật Đức và pháp luật Nga.

Có lẽ sẽ phù hợp hơn nếu pháp luật quy định thời điểm cụ thể để xem xét tính không thể lường trước được của sự kiện bất khả kháng để đảm bảo cách áp dụng thống nhất, đồng bộ. Trong đó, thời điểm giao kết hợp đồng như cách tiếp cận của BLDS Pháp cũng có sự hợp lý nhất định. Đối với pháp luật Việt Nam, cần có án lệ hoặc hướng dẫn về tiêu chí nhận diện này trong lĩnh vực hợp đồng tương tự như pháp luật Pháp, đồng thời cũng cần bổ sung thời điểm các bên sửa đổi hợp đồng làm phát sinh nghĩa vụ mới để có tính bao quát hơn về vấn đề này.

3.2. Các trường hợp không áp dụng thoả thuận loại trừ trách nhiệm

Trong BLDS năm 2015, vấn đề LTTN theo thoả thuận còn được quy định rất mờ nhạt. Thậm chí, BLDS năm 2015 cũng chưa đưa ra bất cứ giới hạn nào đối với thoả thuận LTTN ngoại trừ hợp đồng theo mẫu tại khoản 3 Điều 405. Trong khi đó, vấn đề giới hạn thoả thuận LTTN đóng vai trò rất quan trọng, được pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới dành sự quan tâm đặc biệt để ngăn chặn, hạn chế sự lạm dụng căn cứ LTTN này.

Qua nghiên cứu, pháp luật của Pháp, Đức, Nga và Trung Quốc thường không công nhận những thoả thuận LTTN có nội dung LTTN do vi phạm nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng; có nội dung không rõ ràng. Đồng thời cũng không áp dụng thoả thuận LTTN trong các

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trường hợp: bên vi phạm có lỗi cố ý, lỗi bất cẩn nghiêm trọng; bên vi phạm có hành vi lừa dối; bên vi phạm gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe. Những giới hạn trên đều thể hiện được tính hợp lý nhất định, từ đó việc bổ sung các quy định có tính chất tương tự trong BLDS năm 2015 là cần thiết.

Kết luận

Từ những nghiên cứu trên về pháp luật của một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy mỗi quốc gia đều có những cách tiếp cận riêng về LTTN do VPHĐ. Trong đó, các cách tiếp cận này bên cạnh những tương đồng cũng tồn tại những điểm khác biệt, đặc biệt trong việc nhận diện, áp dụng một số căn cứ LTTN. Trên cơ sở những cách tiếp cận của các quốc gia được nghiên cứu, bài viết cũng đã đưa ra một số gợi mở cho pháp luật Việt Nam nhằm góp phần hoàn thiện các quy định về LTTN do VPHĐ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anton N. Shamne (2020), “Exclusion Of Contractual Liability In The Roman-Germanic System Of Civil Law”, *Individual and Society in the Modern Geopolitical Environment*, <https://www.europeanproceedings.com/article/10.15405/epsbs.2020.12.04.95>
2. Bé Hoài Anh, Nguyễn Tổng Bảo Minh (2024), “Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về loại trừ trách nhiệm dân sự và một số gợi mở cho Việt Nam”, *Loại trừ trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội.
3. Bradford Olson (2020), “Force Majeure in China”, *Columbia Journal of Asian Law*, Volume 33, <https://academiccommons.columbia.edu/doi/10.7916/pm8e-qh43>
4. Catherine Renault (2020), “Covid-19 - legal concepts in France and Algeria; a civil law perspective”, *Systech*, <https://www.systech-int.com/insights/thoughts/covid-19-legal-concepts-in-france-and-algeria-a-civil-law-perspective>
5. Christopher Osakwe (2002), “Modern Russian Law of Contracts: A Functional Analysis”, *Loyola of Los Angeles International and Comparative Law Review*, Volume 24, <https://digitalcommons.lmu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1510&context=ilr>
6. Đinh Văn Cường (2021), *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
7. Đỗ Giang Nam, Trần Quang Cường (2021), “Thiên nga đen - Covid-19 và cơ chế điều chỉnh pháp luật hợp đồng Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 13, <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchtiet.aspx?tintucid=210817>
8. Hajer Rouidi (2016), “Une notion pénale à l'épreuve de la responsabilité civile: les faits justificatifs” [tạm dịch: Tiếp cận dưới góc độ trách nhiệm dân sự khái niệm “faits justificatifs” trong Bộ luật Hình sự], *Revue de science criminelle et de droit pénal comparé*, No. 1, <https://www.cairn.info/revue-de-science-criminelle-et-de-droit-penal-compare-2016-1-page-17.htm#no1>
9. Ilya Kokorin (2015), “Force Majeure and Unforeseen Change of Circumstances.

- The Case of Embargoes and Currency Fluctuations (Russian, German and French Approaches)”, *Russian Law Journal*, https://www.researchgate.net/publication/282448237_Force_Majeure_and_Unforeseen_Change_of_Circumstances_The_Case_of_Embargoes_and_Currency_Fluctuations_Russian_German_and_French_Approaches
10. Johannes W Flume (2021), “Strict Liability in Austrian and German Law”, *Journal of European Tort Law*, <https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/jetl-2021-0012/html?lang=en>
 11. Mo Zhang (2011), “Tort Liabilities and Torts Law: The New Frontier of Chinese Legal Horizon”, *Richmond Journal of Global Law & Business*, Volume 10, <https://scholarship.richmond.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1132&context=global>
 12. Nguyễn Lan Anh (2017), *Một số vấn đề pháp lý về điều khoản miễn trách nhiệm*, <https://tapchi.ftu.edu.vn/cac-so-tap-chi-ktđn/tap-chi-ktđn-so-81-90/tap-chi-ktđn-so-86/1397-mot-so-van-de-phap-ly-ve-dieu-khoan-mien-trach-nhiem.html>
 13. Nông Quốc Bình (2012), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn đối với điều khoản bất khả kháng trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế”, *Tạp chí Luật học*, số 5.
 14. P. Jourdain (1993), “Droit à réparation. - Lien de causalité - Pluralité des causes du dommage”, *JCI Civil Code* [tạm dịch: *Quyền được bồi thường thiệt hại - Mối quan hệ nhân quả - Thiệt hại xảy ra do nhiều nguyên nhân*].
 15. Pierre Mallet, Najlaa T Flayyih (2020), “Information Management for the Fate of the Limitation of Liability Clauses After the Termination of the Contract in French Law”, *International Journal of Construction Supply Chain Management*, https://www.researchgate.net/publication/349346811_415_Information_Management_for_the_Fate_of_the_Limitation_of_Liability_Clauses_After_the_Termination_of_the_Contract_in_French_Law
 16. Rowan Solene (2017), “The new French law of contract”, *International & Comparative Law Quarterly*, https://eprints.lse.ac.uk/75815/1/Rowan_New%20French%20law_2017.pdf
 17. S Hocquet-Berg (2018), “Synthèse - Faute délictuelle”, *JCI Responsabilité civile et assurances* [tạm dịch: *Tổng quan về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*].
 18. Sandy Steel (2019), “Defences to Tortious and Contractual Liability in French Law”, *French Civil Liability in Comparative Perspective*, https://ora.ox.ac.uk/objects/uuid:4eaa5126-f61f-4d13-a24c-3786fd1d6ea0/download_file?file_format=application%2Fpdf&safe_filename=Steel_2019_Defences_to_tortious_and_contractual.pdf&type_of_work=Book+section
 19. Trần Thị Huệ, Nguyễn Văn Cừ (2019), “Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo pháp luật Việt Nam, so chiếu với pháp luật của một số quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu”, *Kỷ yếu hội thảo: Trách nhiệm dân sự và hợp đồng: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên minh châu Âu*, Đại học Huế & Hội hợp tác pháp lý châu Âu và Việt Nam phối hợp tổ chức.



TẠP CHÍ Khoa học Kiểm sát

JOURNAL OF PROCURATORATE STUDIES

ISSN 2354-063X



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT
VIETNAM PROCURATORATE UNIVERSITY

Số 01 (98)
2026



MỤC LỤC

CÔNG TÁC KIỂM SÁT

HOÀNG ANH TUYÊN TRẦN THỊ THANH	Nâng cao chất lượng tác động tâm lý của Kiểm sát viên trong hồi cung bị can phạm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người	3
NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC PHAN THỊ THU LÊ	Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự	9

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

VÕ KHÁNH VINH	Những vấn đề lý luận cơ bản về giá trị (Kỳ 2 và hết)	16
ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ	Hình sự hóa hành vi gây lãng phí trong xây dựng, ban hành thể chế về quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, góp phần thực hiện “mệnh lệnh” chống lãng phí của Tổng Bí thư Tô Lâm	25
PHẠM NGỌC DUNG PHẠM HOÀNG MINH	Nâng cao hiệu quả áp dụng chế định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại	32
ĐỖ NGỌC TÂN	Nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Cơ quan giám định và Cơ quan An ninh điều tra trong giám định hình ảnh từ dữ liệu điện tử	37
NGUYỄN TỔNG BẢO MINH	Bảo đảm tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng	43
TRƯƠNG VĨNH XUÂN	Đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp thành viên chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	51
PHẠM PHƯƠNG THẢO NGUYỄN PHÚC THIỆN	Quy định pháp luật Việt Nam về xử lý vi phạm đối với hành vi thỏa thuận thông đồng trong hoạt động đấu thầu – Một số vấn đề trao đổi	57
NGUYỄN THỊ LONG NGUYỄN ANH THU	Bàn về xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chủ thể dữ liệu	63
HOÀNG MINH HỘI	Phản biện xã hội trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay – Thực trạng và một số kiến nghị	70

THÔNG TIN KHOA HỌC

TRẦN MINH CHIẾN	Nguyên tắc tội phạm kép trong Công ước Budapest 2001 về tội phạm mạng và gợi mở cho pháp luật Việt Nam	77
-----------------	--	----



INDEX

PROCURATORIAL ACTIVITIES

HOANG ANH TUYEN TRAN THI THANH	Enhancing the quality of psychological influence exerted by Prosecutors during the interrogation of accused persons committing crimes against human life, health, dignity, and honor	3
NGUYEN THI THU PHUONG HOANG THI BICH NGOC PHAN THI THU LE	The relationship between the Investigative Agency and the People's Procuracy in the application, modification and revocation of preventive measures during the initiation stage of criminal cases	9

RESEARCH – OPINION EXCHANGE

VO KHANH VINH	Foundamental theoretical issues on values (Part 2 and end)	16
DO DUC HONG HA	The criminalization of wasteful conduct in the formulation and promulgation of institutional frameworks for the management and use of public finance and public assets, contributing to the implementation of the General Secretary To Lam's "directive" on combating waste	25
PHAM NGOC DUNG PHAM HOANG MINH	Enhancing the effectiveness of applying the criminal liability regime for commercial legal entities	32
DO NGOC TAN	Enhancing the effectiveness of coordination between Forensic Expertise Agency and the Security Investigation Agency in image examination from electronic data	37
NGUYEN TONG BAO MINH	Ensure the unity in the regulations on exclusion of liability for breach of contract	43
TRUONG VINH XUAN	Business registration in cases where a member transfers his capital contribution in a limited liability company with two or more members	51
PHAM PHUONG THAO NGUYEN PHUC THIEN	Discussion on Vietnamese legal regulations on handling violations related to collusive agreements in bidding activities	57
NGUYEN THI LONG NGUYEN ANH THU	Discussion on the processing of personal data without consent for the protection of the data subject's life and health	63
HOANG MINH HOI	Social criticism within the mechanism for controlling state power in Vietnam - Current situation and recommendations	70

SCIENTIFIC INFORMATION

TRAN MINH CHIEN	The principle of double criminality in the 2001 Budapest Convention on cybercrime and implications for Vietnamese law	77
-----------------	---	----

BẢO ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT TRONG CÁC QUY ĐỊNH VỀ LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

NGUYỄN TỔNG BẢO MINH*

Tóm tắt: Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật là một yêu cầu cấp thiết, tuy nhiên các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng còn thiếu đồng bộ. Dựa trên yêu cầu về bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, bài viết phân tích, làm rõ thực trạng về tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, trong đó tập trung chỉ ra những điểm còn thiếu đồng bộ thông qua việc đối sánh các quy định. Từ đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Từ khóa: Loại trừ trách nhiệm; tính thống nhất của pháp luật; vi phạm hợp đồng; pháp luật hợp đồng

Ngày nhận bài: 26/12/2025; Biên tập xong: 14/01/2026; Duyệt đăng: 23/01/2026

ENSURE THE UNITY IN THE REGULATIONS ON EXCLUSION OF LIABILITY FOR BREACH OF CONTRACT

Abstract: Ensuring the unity of the legal system is an urgent requirement; however, regulations on the exclusion of liability for breach of contract still remain inconsistencies. Based on the requirement of ensuring the unity of the law, this article clarifies current situation of unity in the regulations on the exclusion of liability for breach of contract, focusing on pointing out the inconsistencies by comparing the regulations. Hence, it also proposes recommendations for legal improvement to ensure unity in the regulations on the exclusion of liability for breach of contract.

Keywords: Exclusion of liability; unity of law; breach of contract; contract law

Received: Dec 26, 2025; Editing completed: Jan 14, 2026; Accepted for publication: Jan 23, 2026

Đặt vấn đề

Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật là một trong những định hướng trọng tâm trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được nhấn mạnh tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong pháp luật hợp đồng, chế định loại trừ trách nhiệm (LTTN) do vi phạm hợp đồng (VPHĐ) đóng vai trò then chốt trong việc cân bằng lợi ích, bảo đảm công bằng và phân định rủi ro giữa các bên. Tuy nhiên, các quy định về vấn đề này còn thiếu đồng bộ, chồng chéo giữa Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015, Luật Thương mại (LTM) năm 2005 và các luật chuyên ngành khác. Điều này không chỉ gây khó khăn trong áp dụng pháp luật mà còn tạo ra những quan điểm trái chiều trong khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó, đặt trong bối cảnh Nghị quyết số 66-NQ/TW với định hướng bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, việc nghiên cứu, nhận diện một cách hệ thống các quy định còn thiếu thống nhất để từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất của pháp luật là rất cần thiết.

1. Một số vấn đề lý luận về bảo đảm tính thống nhất của pháp luật

Tính thống nhất là một trong những thuộc tính quan trọng, đồng thời cũng là yêu cầu khách quan đặt ra đối với mỗi hệ thống pháp luật trên thế giới. Ở góc độ khái quát nhất, tính thống nhất của pháp luật có thể được hiểu là sự phù hợp, đồng bộ trong các quy định của pháp luật. Trên phương diện nội dung, pháp luật trong mỗi lĩnh vực cần phải có sự nhất quán, thống nhất trong việc xác lập mô hình hành vi, đồng thời giữa các quy định trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) cũng phải có sự phù hợp, không mâu thuẫn¹.

Tính thống nhất của pháp luật không chỉ dừng lại là một khái niệm trong khoa học pháp lý mà đã được khái quát hóa trở thành một nội dung của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động xây dựng pháp

* Email: Ngongbaominh@gmail.com

Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Phí, T. T. T. (2018). Bảo đảm tính thống nhất giữa các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/bao-dam-tinh-thong-nhat-giua-cac-quy-pham-phap-luat-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-hien-nay-53811.htm> (Truy cập ngày 21/8/2025).

luật. Nguyên tắc này yêu cầu phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của VBQPPL trong hệ thống pháp luật; các quy định pháp luật phải thống nhất không mâu thuẫn, chồng chéo². Trên phương diện đảm bảo tính thống nhất theo chiều ngang giữa các VBQPPL, các VBQPPL có cùng cấp độ hiệu lực, dù có đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng khác nhau nhưng cũng cần phải có sự tương thích, hài hòa, tránh tạo ra những quy tắc xử sự xung đột về nội dung.

Dù nguyên tắc ưu tiên luật chuyên ngành (*lex specialis*) được thừa nhận, nguyên tắc này không phủ định yêu cầu về tính thống nhất của pháp luật³. Nguyên tắc *lex specialis* không nhằm tạo ra một hệ quy chiếu riêng biệt, độc lập mà để đảm bảo có cách điều chỉnh phù hợp nhất với những đặc thù mà luật chung không thể bao quát hết. Theo đó, luật chung cần trở thành một khuôn khổ mang tính cốt lõi, còn luật chuyên ngành phải là sự bổ sung, cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản.

Đặt trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, tính thống nhất trong các quy định về LTTN do VPHĐ thể hiện qua sự tương thích giữa luật chuyên ngành với luật chung cũng như tính logic trong cấu trúc và nội dung giữa các quy định trong cùng một văn bản. Trong đó, BLDS năm 2015 đóng vai trò là luật chung xác lập các quy định mang tính nền tảng như các nguyên tắc, khái niệm cơ bản, ghi nhận các căn cứ LTTN có tính phổ biến để tạo ra một khuôn khổ chung. Các luật chuyên ngành phải tương thích với các quy định của BLDS năm 2015 với những sự cụ thể hóa, đồng thời hạn chế những quy định mâu thuẫn, thiếu nhất quán với luật chung.

2. Thực trạng về tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Đảm bảo sự thống nhất trong quy định về LTTN do VPHĐ đòi hỏi phải có sự nhất quán, định hướng cao từ BLDS năm 2015 tới các văn bản luật chuyên ngành. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về vấn đề này còn tồn tại những điểm chưa thực sự đồng bộ, từ đó tiềm ẩn những mâu thuẫn nhất định giữa các văn

bản pháp luật. Thực trạng này không chỉ do các văn bản pháp luật còn đang có cách quy định căn cứ LTTN do VPHĐ khác nhau, mà còn đến từ những điểm chưa đồng bộ giữa các chế định trong BLDS năm 2015. Với tư cách là luật chung, BLDS năm 2015 đã có một quy định mang tính nền tảng ghi nhận các căn cứ LTTN do VPHĐ tại Điều 351, từ đó tạo ra một bộ khung với ba căn cứ cơ bản bao gồm: (i) Sự kiện bất khả kháng; (ii) Hoàn toàn do lỗi của bên bị vi phạm; (iii) Theo thỏa thuận của các bên.

2.1. Về loại trừ trách nhiệm do sự kiện bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là một trong những căn cứ LTTN mang tính phổ biến và nền tảng giải phóng chủ thể khỏi trách nhiệm dân sự khi việc thực hiện đúng hợp đồng bị cản trở bởi những sự kiện có tác động lớn, nằm ngoài ý chí và khả năng kiểm soát. Hiện nay hầu hết các VBQPPL trong lĩnh vực luật tư đều ghi nhận sự kiện bất khả kháng với tư cách là một căn cứ LTTN do VPHĐ, có thể thông qua việc áp dụng trực tiếp quy định của BLDS năm 2015 hoặc có các quy định nhằm nhấn mạnh lại cũng như để bổ sung các cơ chế điều chỉnh riêng⁴.

Tuy nhiên, quy định về nhận diện sự kiện bất khả kháng vẫn còn những điểm chưa đồng bộ. Đoạn 2 khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 đặt ra ba tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng là: (i) Khách quan; (ii) Không thể lường trước được; (iii) Không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong khi BLDS năm 2015 lựa chọn cách quy định khái quát các đặc điểm của sự kiện bất khả kháng thì một số văn bản luật lại lựa chọn phương pháp liệt kê các sự kiện có dấu hiệu tương đồng với sự kiện bất khả kháng là căn cứ LTTN do VPHĐ. Cách quy định này có thể tiềm ẩn mâu thuẫn khi các sự kiện được liệt kê không phải trong trường hợp nào cũng đáp ứng đủ bộ tiêu chí mà Điều 156 BLDS năm 2015 quy định.

Một ví dụ cho tình trạng này là Điều 151 Bộ luật Hàng hải Việt Nam (BLHH) năm 2015 quy định LTTN đối với người vận chuyển trong hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển. Nếu như khoản 3 Điều này đề cập trực tiếp tới sự kiện bất khả kháng trong quy định về LTTN đối với người vận chuyển

² Nguyễn, H. L. (2021). Các nguyên tắc trong hoạt động xây dựng pháp luật. *Tạp chí Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/cac-nguyen-tac-trong-hoat-dong-xay-dung-phap-luat1610529428-a99287.html> (Truy cập ngày 21/8/2025).

³ Banaszewska, D. M. (2015). *Lex specialis*. In *Max Planck Encyclopedias of International Law*. Oxford Public International Law. <https://opil.ouplaw.com/display/10.1093/law:epil/9780199231690/law-9780199231690-e2171> (Truy cập ngày 21/8/2025).

⁴ Ví dụ như Điều 296 LTM năm 2005 quy định về vấn đề kéo dài thời hạn, từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng.

khi chậm trả hàng thì khoản 2 lại lựa chọn liệt kê một danh mục các sự kiện như hỏa hoạn, thảm họa trên biển..., khiến cho quy định trên về LTTN do VPHĐ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển đã tồn tại hai điểm không thống nhất cả trên phương diện hình thức và nội dung. Trên phương diện hình thức, việc lựa chọn hai cách thức quy định khác nhau ngay trong một điều luật đã không đảm bảo tính thống nhất về kỹ thuật lập pháp, cách thức sắp xếp, cấu trúc quy định. Về mặt nội dung, cách liệt kê tại khoản 2 Điều 151 BLHH năm 2015 tiềm ẩn những điểm thiếu nhất quán với BLDS năm 2015 khi không phải trong trường hợp nào các sự kiện được quy định cũng là sự kiện bất khả kháng (ví dụ như có những trường hợp thiên tai có thể được dự báo trước). Tuy nhiên, sự thiếu thống nhất về mặt nội dung này không hoàn toàn là một thiếu sót về mặt lập pháp mà xuất phát từ yêu cầu cụ thể hóa các nguyên tắc chung vào môi trường đặc thù của luật chuyên ngành. Đối với lĩnh vực hàng hải, BLHH năm 2015 được xây dựng dựa trên sự tương thích với các điều ước và thông lệ quốc tế, tiêu biểu là Quy tắc Hague-Visby. Khoản 2 Điều 4 Quy tắc Hague-Visby đã liệt kê cụ thể hàng loạt các sự kiện loại trừ trách nhiệm cho người vận chuyển như hỏa hoạn, hiểm họa của biển (*perils of the sea*), thiên tai, chiến tranh, đình công... Trong vận tải biển quốc tế, tính dự báo và việc phân bổ rủi ro giữ vai trò quan trọng và được ưu tiên. Việc sử dụng phương pháp liệt kê là một thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo người vận chuyển không phải chịu trách nhiệm cho những rủi ro đặc trưng của lĩnh vực hàng hải.

Mặc dù việc liệt kê tại luật chuyên ngành là sự cụ thể hóa cần thiết, nhưng xét trên phương diện nội dung và yêu cầu bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, cách quy định này tiềm ẩn nguy cơ thiếu đồng bộ nếu nó tạo ra một ngoại lệ hạ thấp tiêu chuẩn về sự kiện bất khả kháng mà BLDS năm 2015 đã xác lập. Cụ thể, nếu các sự kiện được liệt kê tại khoản 2 Điều 151 BLHH năm 2015 mặc nhiên được coi là căn cứ LTTN mà không đòi hỏi phải thỏa mãn các tiêu chí nền tảng của BLDS năm 2015, đặc biệt là yếu tố không thể lường trước được (ví dụ một số hiện tượng thời tiết cực đoan trên biển hiện nay hoàn toàn có thể được hệ thống khí tượng dự báo trước), thì phạm vi LTTN sẽ bị mở rộng một cách bất hợp lý. Luật chuyên ngành được phép cụ thể hóa để phù hợp với đặc thù, nhưng không

được hạ thấp tiêu chuẩn đã được định hình bởi luật chung.

Tương tự, Bộ luật Lao động (BLLĐ) năm 2019 đang sử dụng cách quy định kết hợp liệt kê và định nghĩa của sự kiện bất khả kháng. Cụ thể, tại khoản 2 Điều 125 khi quy định về các trường hợp LTTN vật chất, Bộ luật này đã liệt kê một loạt các sự kiện cụ thể như “*thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,...*” và ngay sau đó nhắc lại định nghĩa tại khoản 2 Điều 156 BLDS năm 2015 “*sự kiện xảy ra khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”⁵. Về kỹ thuật lập pháp, quy định trên vừa nhắc lại khái niệm sự kiện bất khả kháng, vừa liệt kê những sự kiện có tính chất hầu như tương đồng với loại sự kiện này, trong khi có thể quy định trực tiếp sự kiện bất khả kháng là một căn cứ LTTN vật chất để đảm bảo tính thống nhất với BLDS năm 2015. Mặt khác, chính sự kết hợp này lại tạo ra một điểm không rõ ràng: Các sự kiện được liệt kê trước về nhắc lại định nghĩa sự kiện bất khả kháng có mặc nhiên làm LTTN vật chất không, hay vẫn phải thỏa mãn ba yếu tố khách quan, không lường trước được, không thể khắc phục được? Nếu xét về mặt ngữ nghĩa, việc liệt kê các sự kiện trước ba yếu tố trên sẽ dẫn tới cách hiểu những sự kiện được nêu không cần thỏa mãn tiêu chí nhận diện của sự kiện bất khả kháng, từ đó cũng tương tự như BLHH năm 2015, mở phạm vi LTTN ra quá rộng so với khung pháp lý trong BLDS năm 2015.

2.2. Về loại trừ trách nhiệm do lỗi của bên bị vi phạm

Pháp luật Việt Nam về cơ bản đã có sự thống nhất khi cùng thừa nhận căn cứ LTTN khi VPHĐ xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm tại khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005. Tuy nhiên, thuật ngữ pháp lý được sử dụng để chỉ bên vi phạm trong các quy định trên còn chưa nhất quán. Khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 sử dụng cụm từ “*hoàn toàn do lỗi của bên có quyền*” khi quy định về căn cứ LTTN này. Thuật ngữ này tuy không sai nhưng chưa phản ánh được đầy đủ bản chất của quan hệ khi đã có VPHĐ xảy ra. Khi xem xét về trách nhiệm do VPHĐ, sẽ phù hợp hơn nếu các bên được xác định là bên vi phạm và bên bị vi phạm. Điều này là

⁵ Nguyên văn: *...trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh nguy hiểm, thảm họa, sự kiện xảy ra khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép thì không phải bồi thường.*

do trong quan hệ hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng song vụ, sẽ khó có thể định danh bên có quyền, bên có nghĩa vụ một cách biệt lập vì các bên đều có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với nhau. Do vậy, việc sử dụng thuật ngữ *“hoàn toàn do lỗi của bên có quyền”* chưa phản ánh được đầy đủ bản chất của quan hệ, đồng thời cũng chưa thể hiện được tính đồng bộ với các quy định về trách nhiệm do VPHĐ.

Tương tự, điểm c khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005 sử dụng cụm từ *“hoàn toàn do lỗi của bên kia”* khi quy định về căn cứ LTTN do lỗi của bên bị vi phạm. Dù thuật ngữ *“bên kia”* có thể được hiểu trong ngữ cảnh là để chỉ bên bị vi phạm, nhưng nó lại chưa thể hiện được tính rõ ràng cần có trong quy định. Đồng thời, việc sử dụng thuật ngữ *“bên kia”* tại điểm c cũng là một nội dung thiếu đồng bộ ngay chính trong khoản 1 Điều 294 khi khoản này đã sử dụng thuật ngữ *“bên vi phạm hợp đồng”* trước khi liệt kê các căn cứ LTTN. Với quy định *“bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây”* tại khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005, có lẽ việc sử dụng thuật ngữ *“bên bị vi phạm”* thay cho *“bên kia”* tại điểm c sẽ đồng bộ và nhất quán hơn.

2.3. Về loại trừ trách nhiệm theo thỏa thuận của các bên

Dựa trên một nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, LTTN theo thỏa thuận của các bên được ghi nhận một cách rộng rãi trong các văn bản pháp luật tư. BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 đều quy định thỏa thuận của các bên là căn cứ LTTN. Theo đó, giới hạn đối với thỏa thuận LTTN còn rất hạn chế, các căn cứ và điều kiện để được LTTN hoàn toàn do các bên thỏa thuận miễn là nằm trong khuôn khổ của nguyên tắc tự do hợp đồng⁶. Với cách tiếp cận này, giới hạn duy nhất của thỏa thuận LTTN chỉ là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 3 BLDS năm 2015.

Cách quy định có phần rộng về giới hạn thỏa thuận LTTN như trên có thể dẫn tới những sự thiếu rõ ràng, thậm chí là thiếu nhất quán liên quan tới vấn đề có áp dụng thỏa thuận LTTN hay không trong trường hợp VPHĐ xảy ra do lỗi cố ý. Nếu chỉ dựa trên giới hạn về điều cấm và đạo đức xã hội, bên cố ý vi phạm vẫn được LTTN. Tuy nhiên, việc áp dụng thỏa thuận LTTN khi VPHĐ xảy ra

do lỗi cố ý này lại đi ngược với nguyên tắc thiện chí tại khoản 3 Điều 3 BLDS năm 2015. Do đó, một số tác giả cho rằng không nên áp dụng thỏa thuận LTTN trong trường hợp VPHĐ xảy ra do lỗi cố ý để đảm bảo thống nhất với nguyên tắc thiện chí⁷.

Bên cạnh đó, một số luật chuyên ngành đang thiết lập một mức sàn đối với các thỏa thuận LTTN là các quyền và nghĩa vụ do luật định. Nói cách khác, các luật này đã đặt ra giới hạn không áp dụng thỏa thuận LTTN đối với các vi phạm cơ bản. Khoản 3 Điều 202 BLHH năm 2015 quy định thỏa thuận nhằm loại trừ các trách nhiệm đã được luật định đối với người vận chuyển trong hợp đồng vận chuyển không có giá trị; khoản 1 Điều 167 Luật Hàng không dân dụng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) không công nhận thỏa thuận LTTN bồi thường thiệt hại của người vận chuyển dưới mức giới hạn trách nhiệm do luật định... Từ cách tiếp cận này, nếu soi chiếu ngược lại BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 sẽ thấy có sự thiếu đồng bộ trong quy định về thỏa thuận LTTN và vi phạm cơ bản hợp đồng. Như đã phân tích, thỏa thuận LTTN chỉ bị giới hạn bởi điều cấm của luật và đạo đức xã hội nên nếu không có quy định rõ ràng, các bên có thể thỏa thuận cho phép LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng. Điều này sẽ tạo ra sự thiếu đồng bộ nhất định, bởi lẽ việc thiết lập các quy định về vi phạm cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các bên đạt được mục đích của hợp đồng cũng như giúp định hình quan hệ hợp đồng đó. Nếu như một bên được cho phép vi phạm cơ bản thông qua thỏa thuận LTTN thì mục đích của hợp đồng sẽ không được đảm bảo, cũng như tính chất của quan hệ hợp đồng này có thể sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đặc biệt, việc thiếu cơ chế phân loại để kiểm soát thỏa thuận này dựa trên sự khác biệt về vị thế đàm phán giữa các bên (ví dụ giữa hai doanh nghiệp bình đẳng so với giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng) càng làm gia tăng nguy cơ mất cân bằng lợi ích.

2.4. Về các căn cứ khác loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Ngoài các căn cứ phổ biến đã được phân tích, pháp luật Việt Nam còn có một số căn cứ

⁶ Nguyễn, M. L. (2018). *Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật Việt Nam* [Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội]. tr. 48.

⁷ Nguyễn, L. A. (2017). Một số vấn đề pháp lý về điều khoản miễn trách nhiệm, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*. <https://tapchi.ftu.edu.vn/cac-so-tap-chi-ktan/tap-chi-ktan-so-81-90/tap-chi-ktan-so-86/1397-mot-so-van-de-phap-ly-ve-dieu-khoan-mien-trach-nhiem.html> (Truy cập ngày 02/9/2025).

khác có khả năng làm LTTN do VPHĐ, mặc dù việc ghi nhận chúng chưa thực sự rõ ràng cũng như thống nhất giữa các văn bản pháp luật. Cụ thể:

Thứ nhất, LTTN khi vi phạm hợp đồng xảy ra do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng

Tại điểm d khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005, căn cứ này được liệt kê một cách độc lập, tách biệt so với sự kiện bất khả kháng. Theo cách quy định này, việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được xác định là một căn cứ riêng với những điểm khác biệt so với các căn cứ loại trừ khác. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 lại không có sự ghi nhận căn cứ LTTN này. Một số quan điểm trong khoa học pháp lý cho rằng thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực chất là một trường hợp của sự kiện bất khả kháng, không phải một căn cứ LTTN riêng biệt⁸. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm cho rằng căn cứ LTTN này không cần phải chứng minh yếu tố không thể lường trước được của sự kiện bất khả kháng⁹. Như vậy, sự thiếu đồng bộ này đã dẫn tới các quan điểm khác nhau trong khoa học pháp lý cũng như gây khó khăn cho công tác áp dụng pháp luật khi phải xác định bản chất pháp lý của cùng một sự kiện.

Thứ hai, LTTN khi vi phạm hợp đồng xảy ra do thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết

Một trong những điểm còn chưa đảm bảo tính thống nhất trong các quy định về LTTN do VPHĐ trong BLDS năm 2015 xuất phát từ cách tiếp cận gián tiếp và không thực sự rõ ràng của Bộ luật này đối với căn cứ thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết. Thay vì quy định một cách tường minh tại Điều 351 BLDS năm 2015 về trách nhiệm và LTTN do vi phạm nghĩa vụ, khả năng làm LTTN do VPHĐ của tình thế cấp thiết lại được ghi nhận một cách gián tiếp qua các quy định khác có liên quan. Trong đó, khoản 3 Điều 171 BLDS năm 2015 đã khẳng định tính hợp pháp của hành vi thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết. Từ đó, VPHĐ do thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết về bản chất là không trái pháp luật nên không thể làm phát sinh trách nhiệm do

VPHĐ, hay nói cách khác, trách nhiệm do VPHĐ trong trường hợp này đã được loại trừ theo nguyên tắc được xác lập tại khoản 3 Điều 171 BLDS năm 2015.

Trái ngược với luật chung, một số luật chuyên ngành đã có sự ghi nhận rõ ràng thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết là một căn cứ LTTN do VPHĐ. Khoản 2 và khoản 3 Điều 151 BLHH năm 2015 quy định người vận chuyển được LTTN nếu làm tổn thất hàng hóa để cứu người, cứu tài sản trên biển hoặc không phải chịu trách nhiệm khi chậm trả hàng vì phải cứu người, trợ giúp tàu đang gặp nguy hiểm hay cần thời gian để cấp cứu cho thuyền viên, người trên tàu. Những trường hợp trên được liệt kê tại Điều 151 BLHH năm 2015 đều mang bản chất thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết mà tiêu biểu là vi phạm một số nghĩa vụ trong hợp đồng vận chuyển để bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người. Quy định này cho thấy một cách tiếp cận rõ ràng, trực tiếp về khả năng làm LTTN do VPHĐ của thực hiện yêu cầu trong tình thế cấp thiết.

Như vậy, có thể thấy tính thống nhất trong nhóm quy định này còn chưa thực sự được đảm bảo khi quy định tại Điều 351 BLDS năm 2015 là chưa đủ rõ ràng để tạo ra một định hướng chung cho LTTN khi VPHĐ xảy ra do thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết. Điều này càng được thể hiện rõ khi ngay trong chính Bộ luật này cũng như luật chuyên ngành đã có những quy định nhằm ghi nhận khả năng làm LTTN của hành vi thực hiện yêu cầu trong tình thế cấp thiết.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Từ những phân tích trên, để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, quy định trong BLDS năm 2015 về LTTN do VPHĐ phải bao quát được các vấn đề mang tính nền tảng, còn các quy định trong luật chuyên ngành chỉ hướng tới cụ thể hóa những nét đặc thù riêng trong phạm vi điều chỉnh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật như sau:

Thứ nhất, thống nhất cách thức quy định về loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng

Các quy định về LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng trong các văn bản pháp luật đang sử dụng đồng thời ba phương pháp quy định: (i) Định nghĩa sự kiện bất khả

⁸ Lê, V. S. (2017). Quy định của pháp luật về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm. *Cổng thông tin Bộ Tư pháp*. <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2149> (Truy cập ngày 03/12/2023).

⁹ Nguyễn, T. D. (2022). *Luật Kinh tế*. Nhà xuất bản Tư pháp. tr. 772.

kháng và viện dẫn tới định nghĩa này khi quy định về LTTN; (ii) Liệt kê các sự kiện có điểm tương đồng với sự kiện bất khả kháng là căn cứ LTTN; (iii) Sử dụng kết hợp phương pháp liệt kê và định nghĩa. Việc tồn tại đồng thời cả ba phương pháp quy định như vậy về LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng đã gây ra những điểm thiếu thống nhất, không rõ ràng giữa BLDS năm 2015 và các văn bản luật chuyên ngành.

Để khắc phục tình trạng trên, cần phải thống nhất cách thức quy định về LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng giữa các văn bản pháp luật. Là một nội dung được sử dụng trong nhiều chế định, định nghĩa về sự kiện bất khả kháng với ba yếu tố cấu thành trong BLDS năm 2015 cần phải được xác định là quy định mang tính nền tảng, áp dụng chung cho toàn bộ hệ thống luật tư. Quy định về LTTN do VPHĐ trong các văn bản pháp luật về nguyên tắc cần ưu tiên viện dẫn tới định nghĩa nêu trên. Chỉ trong trường hợp thực sự cần thiết để bảo đảm tính đặc thù của ngành (như lĩnh vực hàng hải để tương thích với thông lệ quốc tế), luật chuyên ngành mới được sử dụng phương pháp liệt kê để cụ thể hóa. Tuy nhiên, cách cụ thể hóa này chỉ mang tính chất bổ sung. Luật chuyên ngành không được quy định liệt kê một cách biệt lập mà vẫn phải lấy nền tảng là viện dẫn tới quy định về sự kiện bất khả kháng trong BLDS năm 2015 để bảo đảm không tạo ra ngoại lệ hạ thấp tiêu chuẩn của luật chung.

Trên cơ sở đó, cần tiến hành rà soát các luật chuyên ngành như BLHH năm 2015, BLLĐ năm 2019 theo hướng điều chỉnh các quy định mang tính liệt kê các sự kiện tương đồng hay xây dựng những định nghĩa sự kiện bất khả kháng riêng (như Điều 151 BLHH năm 2015, Điều 125 BLLĐ năm 2019). Thay vào đó, cần quy định bên vi phạm không phải chịu trách nhiệm nếu VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng bằng cách ưu tiên viện dẫn tới định nghĩa trong BLDS năm 2015 làm nền tảng, các sự kiện đặc thù nếu cần thiết liệt kê chỉ đóng vai trò cụ thể hóa, bổ sung và vẫn phải thỏa mãn các tiêu chí nền tảng của luật chung.

Thứ hai, thống nhất sử dụng thuật ngữ “bên bị vi phạm” trong LTTN do lỗi của bên bị vi phạm

Việc BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 sử dụng những cụm từ khác nhau (bên có quyền, bên kia) để chỉ cùng một chủ thể là bên bị VPHĐ đã thể hiện điểm thiếu đồng bộ, không chỉ giữa hai văn bản nêu trên mà còn trong

chính mỗi văn bản. Để đảm bảo tính thống nhất cũng như tính chính xác trong nhóm quy định này, cần sử dụng một thuật ngữ chung và toàn diện hơn là “bên bị vi phạm”. Cụ thể, khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005 cần thay thế cụm từ “bên có quyền”, “bên kia” thành “bên bị vi phạm”. Việc thống nhất hóa thuật ngữ này không những giúp đảm bảo tính đồng bộ giữa các văn bản luật khác nhau mà còn ngay trong nội tại từng văn bản. Hơn nữa, nó cũng giúp tăng cường tính logic, phản ánh chính xác bản chất của quan hệ trách nhiệm khi đã có VPHĐ xảy ra.

Thứ ba, bổ sung nguyên tắc kiểm soát chung đối với thỏa thuận LTTN do vi phạm hợp đồng trong BLDS

Khung pháp lý có phần rộng về thỏa thuận LTTN của BLDS năm 2015 còn có những điểm thiếu thống nhất với các nguyên tắc, chế định khác trong chính Bộ luật này. Để giải quyết điều này, BLDS năm 2015 cần phải bổ sung nguyên tắc kiểm soát chung, rõ ràng về nội dung của thỏa thuận LTTN như sau:

Một là, không áp dụng thỏa thuận LTTN đối với VPHĐ do lỗi cố ý

Việc thiếu vắng một quy định rõ ràng về vấn đề này đã tạo ra khoảng trống, tiềm ẩn nguy cơ xung đột với nguyên tắc thiện chí tại Điều 3 BLDS năm 2015, đặc biệt khi quy định về các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu, về nguyên tắc tự do hợp đồng chỉ đặt ra giới hạn là vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội. Cho phép một bên được hưởng lợi từ thỏa thuận LTTN sau khi đã VPHĐ với lỗi cố ý sẽ làm mất đi ý nghĩa của sự cam kết giữa các bên, gây ra sự mất cân bằng và không phù hợp với bản chất của hợp đồng. Việc bổ sung quy định không cho phép bên vi phạm được LTTN theo thỏa thuận nếu có lỗi cố ý sẽ thể hiện được tính hợp lý, đồng thời đảm bảo sự thống nhất với nguyên tắc thiện chí trong pháp luật dân sự. Cách tiếp cận như trên cũng phù hợp với kinh nghiệm lập pháp tại nhiều quốc gia trên thế giới như Đức, Nga, BLDS tại các quốc gia này đều không công nhận áp dụng thỏa thuận LTTN nếu như VPHĐ xảy ra do lỗi cố ý¹⁰.

¹⁰ Khoản 3 Điều 276 BLDS Đức quy định “Bên có nghĩa vụ không được loại trừ trách nhiệm nếu có lỗi cố ý” (The obligor may not be released in advance from liability for intent). Xem tại Bản dịch Tiếng Anh BLDS Đức: https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_bgb/englisch_bgb.html (Truy cập ngày 07/9/2025).

Khoản 4 Điều 401 BLDS Nga quy định: “Thỏa thuận về

Hai là, kiểm soát thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng dựa trên vị thế đàm phán của các bên

BLDS năm 2015 cũng như LTM năm 2005 chưa đặt ra giới hạn kiểm soát đối với các thỏa thuận làm LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng. Việc thỏa thuận LTTN vẫn được công nhận và áp dụng khi xảy ra vi phạm cơ bản không những tiềm ẩn những điểm thiếu thống nhất với nguyên tắc thiện chí khi gây ra sự mất cân bằng về lợi ích cho một bên mà còn chưa phù hợp với các quy định có liên quan về bản chất của vi phạm cơ bản. Vi phạm cơ bản là VPHĐ nghiêm trọng tới mức khiến cho bên bị vi phạm không đạt được mục đích khi giao kết hợp đồng, những nghĩa vụ bị vi phạm trong trường hợp này là những nghĩa vụ làm nên bản chất, mục đích cốt lõi của hợp đồng mà nếu thiếu chúng hợp đồng sẽ không còn ý nghĩa. Do vậy, việc pháp luật đặt ra các quy định về vi phạm cơ bản cũng nhằm hướng tới bảo vệ các quyền và nghĩa vụ cơ bản, nội dung cốt lõi nhất của hợp đồng, từ đó bảo đảm hợp đồng không bị mất đi bản chất và mục đích vốn có của nó khi giao kết. Vì những lý do trên, trong khoa học pháp lý hiện nay cũng có nhiều quan điểm cho rằng cần thiết phải kiểm soát những thỏa thuận làm LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng¹¹.

Cách tiếp cận trên cũng phù hợp với kinh nghiệm lập pháp tại một số quốc gia trên thế giới. Trong hệ thống Common Law, học thuyết về vi phạm cơ bản (*doctrine of fundamental breach*) được thể hiện thông qua án lệ *Karsales v Wallis* ghi nhận rằng một điều khoản LTTN dù rộng đến đâu cũng không thể giải phóng một bên khỏi trách nhiệm trước vi phạm cơ bản¹². Án lệ *Karsales v Wallis* đã đưa ra kết luận “các điều khoản loại trừ trách nhiệm... không có giá trị khi bên vi phạm đã thực hiện một vi phạm đi đến gốc rễ của hợp đồng”, “dù điều khoản loại trừ có rộng đến đâu, nó

việc loại trừ hoặc giới hạn trách nhiệm đối với một vi phạm nghĩa vụ do lỗi cố ý sẽ không được áp dụng” (*An agreement on eliminating or limiting the liability for an intentional violation of the obligation, concluded at an earlier date, shall be insignificant*). Xem tại Bản dịch Tiếng Anh BLDS Nga: https://www.wto.org/english/thewto_e/acc_e/rus_e/wtacrus58_leg_360.pdf (Truy cập ngày 07/9/2025).

¹¹ Đỗ, V. Đ. (2010). *Các biện pháp xử lý việc không thực hiện hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật. tr. 294.

¹² Ogilvie, M.H. (2004). *Contract – Exemption Clauses – Fundamental Breach: Solway v. Davis Moving & Storage Inc. Le Revue du Barreau Canadien*. <https://cbr.cba.org/index.php/cbr/article/view/4004/3997> (Truy cập ngày 07/9/2025).

cũng không được công nhận nếu đã có vi phạm cơ bản”¹³. Tuy nhiên, cách tiếp cận mang tính tuyệt đối này sau đó đã bị Thượng Nghị viện Anh thay thế bởi án lệ *Photo Production Ltd v Securicor Transport Ltd*. Theo phán quyết này, vi phạm cơ bản không đương nhiên vô hiệu hóa điều khoản LTTN. Thay vào đó, thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản vẫn có thể được áp dụng dựa trên nguyên tắc tự do hợp đồng trong một số trường hợp nhất định. Tuy nhiên, chúng vẫn cần phải được kiểm soát để đảm bảo sự cân bằng về lợi ích, tính hợp lý và phù hợp với nguyên tắc thiện chí, việc xem xét này được quy định tại các đạo luật chuyên biệt như Đạo luật về điều khoản không công bằng 1977 (*Unfair Contract Terms Act 1977*), Đạo luật về điều khoản không công bằng trong hợp đồng tiêu dùng 1999 (*Unfair Terms in Consumer Contracts Regulations 1999*). Tư duy pháp lý tương tự cũng được ghi nhận trong pháp luật Đức. Tại án lệ số I ZR 58/03 ngày 15/9/2005 của Tòa án Liên bang Đức¹⁴, thỏa thuận LTTN đối với vi phạm nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng sẽ bị coi là vô hiệu do đã đi ngược lại nguyên tắc thiện chí, tạo ra sự bất lợi bất hợp lý cho một bên.

Từ những phân tích trên, có thể thấy việc kiểm soát thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng là phù hợp không chỉ với quy định hiện hành của pháp luật, mà còn với các quan điểm khoa học, kinh nghiệm quốc tế. Do vậy, BLDS năm 2015 cần thiết phải bổ sung quy định kiểm soát thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng theo hướng cho dù tôn trọng quyền tự do thỏa thuận nhưng có cơ chế kiểm soát chặt chẽ dựa trên nguyên tắc thiện chí và không tạo ra sự bất lợi bất hợp lý cho một bên, từ đó thiết lập nên một nguyên tắc chung, xuyên suốt, định hướng cho các văn bản luật chuyên ngành.

¹³ Leacock, S. J. (1975). *Fundamental breach of contract and exemption clauses in the Commonwealth Caribbean. Anglo-American Law Review*. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2794204 (Truy cập ngày 07/9/2025). Nguyên văn: “. . . it is now settled that exemption clauses of this kind, no matter how widely they are expressed, only avail the party when he is carrying out his contract in its essential respects . . . They do not avail him when he is guilty of a breach which goes to the root of the contract.”; “In my judgement, however extensive the exception clause may be, it has no application if there has been a breach of a fundamental term”.

¹⁴ Bản án của Tòa án Liên bang ngày 15/9/2005 - I ZR 58/03 (Urteil des Bundesgerichtshofs vom 15/9/2005 - I ZR 58/03), <https://dejure.org/dienste/vernetzung/rechtsprechung?Gericht=BGH&Datum=15.09.2005&Aktenzeichen=I%20ZR%2058/03> (Truy cập ngày 17/4/2025).

Thứ tư, bổ sung các căn cứ LTTN khi VPHĐ xảy ra do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, yêu cầu của tình thế cấp thiết

BLDS năm 2015 hiện chưa có sự ghi nhận một cách rõ ràng hai căn cứ LTTN do VPHĐ trên, gây ra những điểm còn thiếu thống nhất ngay trong chính các quy định của Bộ luật này cũng như với LTM năm 2005. Để khắc phục tình trạng này, cần quy định một cách rõ ràng các căn cứ LTTN trên ngay trong BLDS năm 2015, cụ thể như sau:

Một là, làm rõ bản chất pháp lý và quy định thống nhất về căn cứ LTTN khi VPHĐ xảy ra do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là một căn cứ LTTN được ghi nhận trong LTM năm 2005 nhưng không có quy định tương tự trong BLDS năm 2015. Điểm không thống nhất này đã dẫn đến tranh luận về việc căn cứ này có phải là một trường hợp của LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng hay không. Tác giả cho rằng nhóm quan điểm thừa nhận tính đặc thù của căn cứ LTTN này có sự phù hợp nhất định. Bởi lẽ, trên thực tế, không phải trong trường hợp nào việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng thỏa mãn yếu tố không thể lường trước của sự kiện bất khả kháng. Ở đó, các quyết định của cơ quan nhà nước trước khi được ban hành thường có lộ trình, quá trình lấy ý kiến hoặc đã có một khoảng thời gian dự kiến, xây dựng chủ trương từ trước mà các bên có thể lường trước được nhưng chưa đủ rõ ràng để coi như các bên đã chấp nhận rủi ro về tình huống đó khi giao kết hợp đồng. Chính vì yếu tố không lường trước được còn gây tranh luận này, việc tách riêng đây là một căn cứ độc lập là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 cần đặt ra giới hạn chặt chẽ để tránh lạm dụng căn cứ này trốn tránh trách nhiệm. Theo đó, cần bổ sung nguyên tắc áp dụng là quyết định của cơ quan nhà nước chỉ được sử dụng để LTTN nếu quyết định đó không xuất phát từ lỗi hoặc hành vi vi phạm pháp luật của chính bên vi phạm.

Hai là, cần bổ sung thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết vào danh mục các căn cứ LTTN do VPHĐ trong BLDS năm 2015. Việc bổ sung này không chỉ giúp tạo ra một khuôn khổ pháp lý rõ ràng hơn về LTTN, mà còn đảm bảo tính thống nhất với quy định về tính hợp pháp của tình thế cấp thiết tại Điều 171 và quy định về LTTN bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tình thế cấp thiết tại Điều 595 BLDS năm 2015.

Kết luận

Các quy định về LTTN do VPHĐ trong pháp luật Việt Nam hiện vẫn còn tồn tại những điểm thiếu đồng bộ, biểu hiện thông qua sự thiếu nhất quán trong cách thức quy định, sử dụng thuật ngữ và cơ chế điều chỉnh cụ thể. Điều này khiến cho BLDS năm 2015 vẫn chưa phát huy triệt để vai trò xác lập khuôn khổ pháp lý chung, mang tính định hướng cho luật chuyên ngành. Từ phân tích về thực trạng pháp luật, bài viết đã đưa ra một số đề xuất hoàn thiện pháp luật, trong đó đặc biệt là các quy định của BLDS năm 2015 để đảm bảo tính thống nhất trong các quy định về LTTN do VPHĐ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn, L. A. (2017). Một số vấn đề pháp lý về điều khoản miễn trách nhiệm, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*. <https://tapchi.ftu.edu.vn/cac-so-tap-chi-ktđn/tap-chi-ktđn-số-81-90/tap-chi-ktđn-số-86/1397-một-số-vấn-đề-pháp-lý-về-điều-khoản-miễn-trách-nhiệm.html>.
2. Banaszewska, D. M. (2015). Lex specialis. In *Max Planck Encyclopedias of International Law*. Oxford Public International Law. <https://opil.ouplaw.com/display/10.1093/law:epil/9780199231690/law-9780199231690-e2171>.
3. Đỗ, V. Đ. (2010). *Các biện pháp xử lý việc không thực hiện hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật.
4. Nguyễn, T. D. (2022). *Luật Kinh tế*. Nhà xuất bản Tư pháp.
5. Leacock, S. J. (1975). Fundamental breach of contract and exemption clauses in the Commonwealth Caribbean. *Anglo-American Law Review*. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2794204.
6. Nguyễn, M. L. (2018). *Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật Việt Nam* [Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội].
7. Nguyễn, H. L. (2021). Các nguyên tắc trong hoạt động xây dựng pháp luật. *Tạp chí Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/cac-nguyen-tac-trong-hoat-dong-xay-dung-phap-luat1610529428-a99287.html>.
8. Ogilvie, M.H. (2004). Contract – Exemption Clauses – Fundamental Breach: Solway v. Davis Moving & Storage Inc. *Le Revue du Barreau Canadien*. <https://cbr.cba.org/index.php/cbr/article/view/4004/3997>.
9. Lê, V. S. (2017). Quy định của pháp luật về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm. *Công thông tin Bộ Tư pháp*. <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2149>.
10. Nguyễn, A. T. (2020). *Nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật một số quốc gia dưới góc độ so sánh* [Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội].
11. Phí, T. T. T. (2018). Bảo đảm tính thống nhất giữa các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/bao-dam-tinh-thong-nhat-giua-cac-quy-pham-phap-luat-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-hien-nay-53811.htm>.



Tạp chí

Nghề Luật

Legal Professions Review



ISSN 1859-3631

TẠP CHÍ KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN TƯ PHÁP



CHÀO MỪNG BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHOÁ XVI VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031



- Tư duy, nhận thức mới về các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới và những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu, giáo dục quyền con người ở Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới (Tiếp theo số 1 năm 2026)
- Bảo đảm vai trò người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Thực trạng và giải pháp
- Chuẩn hóa tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề và nâng cao năng lực đội ngũ quản tài viên – Yếu tố then chốt thực thi hiệu quả thủ tục phục hồi và phá sản



Nghe Luật

Legal Professions Review

Số 02
2026

Tổng biên tập

NGUYỄN T. PGS. TS. NGUYỄN MINH HẰNG

Phó Tổng biên tập

TS. ĐỖ THỊ THU HẰNG

Thư ký toà soạn

ThS. VŨ THỊ THU THUY

Hội đồng biên tập

NGUYỄN T. TS. Nguyễn Xuân Thu

PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng

ThS. Nguyễn Trường Thiệp

TS. Lê Mai Anh

TS. Đỗ Thị Thu Hằng

TS. Trần Minh Tiến

TS. Phạm Thị Thúy Hồng

TS. Lê Thị Thúy Nga

TS. Vũ Thị Thu Hiền

TS. Bùi Nguyễn Phương Lê

TS. Ngô Thị Ngọc Vân

TS. Đồng Thị Kim Thoa

TS. Nguyễn Thị Vân Anh

ThS. Vũ Thị Thu Thủy

TS. Lê Thu Hằng

GS.TS. Lê Hồng Hạnh

GS.TS. Võ Khánh Vinh

GS.TS. Vũ Công Giao

PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa

PGS.TS. Bùi Đăng Hiếu

PGS.TS. Lê Lan Chi

PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí

PGS.TS. Nguyễn Văn Cừ

PGS.TS. Trần Văn Độ

PGS.TS. Nguyễn Văn Huyền

TS. Nguyễn Văn Cương

TS. Đoàn Trung Kiên

TS. Trương Thế Côn

TS. Phạm Thị Thuý Nga

TS. Trần Anh Tuấn

TS. Nguyễn Văn Mịch

TS. Trần Thị Hiền

TS. Nguyễn Thanh Phú

ThS. Văn Thị Tâm Hồng

Trụ sở Tòa soạn

Số 9 Đường Trần Vỹ

P. Phú Diễn, TP. Hà Nội

Tel: (024) 62873428 (1011-1036)

Email: ngheluatvtp@gmail.com

Chế bản tập

Xí nghiệp In - Nhà máy Z176

Giấy phép hoạt động tập chí in số 232/GP-BTTTT

Ngày 20 tháng 5 năm 2022

In tại Xí nghiệp In - Nhà máy Z176

CẢI CÁCH TƯ PHÁP

Trang

- Bảo đảm vai trò người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Thực trạng và giải pháp 1
Lưu Thị Ngọc Lan
- Tư duy, nhận thức mới về các xu hướng phát triển quyền con người trên thế giới và những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu, giáo dục quyền con người ở Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới (Tiếp theo số 1 năm 2026) 7
Võ Khánh Vinh
Võ Khánh Minh
- Quan điểm, giải pháp đổi mới tư duy xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay 19
Trần Thị Quyên

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

- Nơi cư trú, làm việc của bị đơn trong vụ án dân sự 24
Nguyễn Chí Hiếu
- Loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng 31
Nguyễn Tổng Bảo Minh
- Một số quy định về công chứng điện tử theo Luật Công chứng năm 2024 37
Nguyễn Văn Mịch
Lại Thị Bích Nga
- Quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh và kinh doanh online, thực trạng và hướng cải cách theo cơ chế dữ liệu và dòng tiền 43
Cao Tấn Nho
- Tác động của chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng đối với pháp luật về tín dụng ngân hàng ở Việt Nam 48
Nguyễn Mai Anh
- Quy định pháp luật về hạn chế xung đột lợi ích trong hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán 54
Hà Trọng Bắc
Nguyễn Trung Dương
- Mẫu hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và một số giải pháp hoàn thiện 60
Nguyễn Mai Linh
- Thực trạng tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và một số kiến nghị 67
Đặng Tiến Đông
Tô Quang Anh

ĐÀO TẠO - BỒI DƯỠNG

- Chuẩn hóa tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề và nâng cao năng lực đội ngũ quản tài viên – Yếu tố then chốt thực thi hiệu quả thủ tục phục hồi và phá sản 75
Bùi Thị Hà

PHÁP LUẬT THẾ GIỚI

- Mô hình giáo dục thực hành pháp luật tại Úc - Kinh nghiệm cho đào tạo luật và nghề luật tại Việt Nam 81
Đào Lệ Thu
Phạm Tiến Thành
- Một số vấn đề về tín thác tài sản thừa kế theo di chúc ở Hoa Kỳ và kinh nghiệm để hoàn thiện pháp luật của Việt Nam 89
Nguyễn Thị Châu Loan
- Mô hình phân bổ quyền lực trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo pháp luật Hoa Kỳ và pháp luật Việt Nam 96
Nguyễn Hoài Thu
- Xác định tư cách và khen thưởng cho người tố cáo hợp pháp - Bài học kinh nghiệm từ Úc và Hoa Kỳ 103
Trần Vang Phú
Nguyễn Thị Hằng Diễm Mì
- Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về tội rửa tiền trên cơ sở so sánh với pháp luật Hoa Kỳ 109
Đỗ Khánh Linh
Nguyễn Huệ Linh
- Xử lý hành vi bạo lực giới bằng pháp luật hình sự - Kinh nghiệm từ một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam 115
Nguyễn Hà Chi
Nguyễn Minh Phương
Đỗ Phương Linh

JUDICIAL ACADEMY*Legal Professions Review*Vol 02
2026**Editor in Chief**

NGUYEN MINH HANG Assoc. Prof. Dr.

Deputy Editor in Chief

DO THI THU HANG. Dr.

Sub Editor

VU THI THU THUY, MA.

Editorial Board

Nguyen Xuan Thu.Dr.

Nguyen Minh Hang, Assoc. Prof. Dr

Nguyen Truong Thiep MA.

Le Mai Anh.Dr.

Do Thi Thu Hang.Dr.

Tran Minh Tien.Dr.

Pham Thi Thuy Hong.Dr.

Le Thi Thuy Nga.Dr.

Vu Thi Thu Hien.Dr.

Bui Nguyen Phuong Le.Dr.

Ngo Thi Ngoc Van.Dr.

Dong Thi Kim Thoa.Dr.

Nguyen Thi Van Anh.Dr.

Vu Thi Thu Thuy.MA.

Le Thu Hang.Dr.

Le Hong Hanh.Prof. Dr

Vo Khanh Vinh.Prof. Dr

Vu Cong Giao.Prof. Dr

Hoang Van Nghia.Assoc. Prof. Dr

Bui Dang Hieu.Assoc. Prof. Dr

Le Lan Chi.Assoc. Prof. Dr

Nguyen Huu Chi.Assoc. Prof. Dr

Nguyen Van Cu.Assoc. Prof. Dr

Tran Van Do.Assoc. Prof. Dr

Nguyen Van Huyen.Assoc. Prof. Dr

Nguyen Van Cuong.Dr.

Doan Trung Kien.Dr.

Truong The Con.Dr.

Pham Thi Thuy Nga.Dr.

Tran Anh Tuan.Dr.

Nguyen Van Mich.Dr.

Tran Thi Hien.Dr.

Nguyen Thanh Phu.Dr.

Nguyen Thi Loc.Dr.

Van Thi Tam Hong.MA.

Headquarters

9 Tran Vy

Phu Dien - Ha Noi

Tel: (024) 62873428 (1011-1036)

Email: ngheluathvp@gmail.com

Mock-up

Z176 Printing Factory

Operation Registration Certificate
for printed Magazine No.232/GP-BTTTT
Dated May 20 2022

Printed at Z176 Printing Factory

LEGAL REFORM

- Ensuring the role of those protecting the legal rights and interests of victims in building the Socialist Rule of Law State of Vietnam - Situation and solutions *Luu Thi Ngoc Lan* 1
- New mindset and awareness on trends of developing human rights in the world and issues required for researching, educating human rights in Vietnam in a new development era (*The following part of Vol 1 in 2026*) *Vo Khanh Vinh*
Vo Khanh Minh 7
- Viewpoints, solutions of innovating mindset in lawmaking in Vietnam today *Tran Thi Quyen* 19

RESEARCH AND DISCUSSION

- The residence and workplace of the defendant in a civil case *Nguyen Chi Hieu* 24
- The exclusion of liability for contractual breaches caused by force majeure events *Nguyen Tong Bao Minh* 31
- Some regulations on E-Notarization under the Law on Notarization in 2024 *Nguyen Van Mich*
Lai Thi Bich Nga 37
- Administration of personal income tax for household businesses and online business, situation and legal reform under data and cash flow mechanism *Cao Tan Nho* 43
- Impacts of digital transformation in banking for banking credit law in Vietnam *Nguyen Mai Anh* 48
- Legal regulations on limiting conflicts of interest in the activities of securities companies *Ha Trong Bac*
Nguyen Trung Duong 54
- Standard construction contract forms in international economic integration and some solutions for finalization *Nguyen Mai Linh* 60
- Practical organization and operation of local government system and some recommendations *Dang Tien Dong*
To Quang Anh 67

TRAINING - RETRAINING

- Standardization of Insolvency Practitioners' standards for appointment and conditions for practice as well as improvement of their competency - Key factor to effectively enforce procedure of Recovery and Bankruptcy *Bui Thi Ha* 75

INTERNATIONAL LAW

- Model of Practical Legal Training in Australia - Experience for legal and legal profession training in Vietnam *Dao Le Thu*
Pham Tien Thanh 81
- Some issues on trust of inheritance by will in the United States and experience to refine law in Vietnam *Nguyen Thi Chau Loan* 89
- Model of power allocation in multi-member limited liability companies under the law of the United States and Vietnam *Nguyen Hoai Thu* 96
- Identifying the status and reward for legal whistleblowers - Experience from the United States and Australia *Tran Vang Phu*
Nguyen Thi Hang Diem Mi 103
- Refining Vietnam's criminal law on the crime of money laundering via comparison with the US's law *Do Khanh Linh*
Nguyen Hue Linh 109
- Handling gender-based violence by criminal law - Experience from some countries and lessons for Vietnam *Nguyen Ha Chi*
Nguyen Minh Phuong
Do Phuong Linh 115

LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG XẢY RA DO SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Nguyễn Tổng Bảo Minh¹

Tóm tắt: Loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng (SKBKK) là một trong những nội dung quan trọng trong giải quyết tranh chấp về vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, các quy định về loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do SKBKK vẫn chưa thực sự rõ ràng, đặc biệt là trong việc nhận diện sự kiện bất khả kháng, từ đó dẫn đến nhiều cách tiếp cận khác nhau về vấn đề này. Do vậy, bài viết tập trung nghiên cứu về vấn đề nhận diện SKBKK trong loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, phân tích các điều kiện, hệ quả pháp lý của loại trừ trách nhiệm, từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng.

Từ khóa: Loại trừ; sự kiện bất khả kháng; trách nhiệm dân sự; vi phạm hợp đồng.

Nhận bài: 10/12/2025

Hoàn thành biên tập: 20/01/2026

Duyệt đăng: 23/02/2026

Abstract: The exclusion of liability for contractual breaches caused by force majeure events is one of the key aspects in resolving disputes related to contract violations. However, regulations on liability exclusion for contractual breaches caused by force majeure events remain ambiguous, especially in identifying force majeure events, leading to various approaches to this issue. Therefore, this article focuses on examining the identification of force majeure events in the exclusion of liability for contractual breaches, analyzing the conditions and legal consequences of liability exclusion in these cases, and proposing recommendations for improving the law on excluding liability for contractual breaches caused by force majeure events.

Keywords: Exclusion; force majeure events; civil liability; breach of contract.

Date of receipt: 10/12/2025

Date of revision: 20/01/2026

Date of approval: 23/02/2026

Đặt vấn đề:

SKBKK là một trong những căn cứ loại trừ trách nhiệm (LTTN) do vi phạm hợp đồng (VPHĐ) theo luật định đóng vai trò quan trọng trong pháp luật dân sự Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định hiện hành còn chưa thực sự rõ ràng, đặc biệt trong việc nhận diện SKBKK, dẫn đến nhiều cách tiếp cận khác nhau trên thực tế. Dù đã có nhiều công trình khoa học đề cập, song vẫn còn tồn tại những khoảng trống và quan điểm trái chiều đáng kể. Cụ thể, khi nghiên cứu về từng tiêu chí nhận diện của SKBKK như tính khách quan, tính không thể lường trước, tính không thể khắc phục, các tác giả vẫn đưa ra những quan điểm trái ngược nhau mà chưa có sự luận giải thực sự đầy đủ. Vì vậy, bài viết sẽ đi sâu phân tích những luận điểm còn vướng mắc, đối sánh và đánh giá các quan điểm khác nhau trong khoa học pháp lý hiện nay cũng như tiếp tục nghiên cứu những nội dung chưa được giải quyết triệt để về SKBKK, từ đó đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

1. Nhận diện sự kiện bất khả kháng trong loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

SKBKK bắt nguồn từ thuật ngữ “Force Majeure” trong pháp luật Pháp, mang ý nghĩa là “sức mạnh tối cao” hoặc “không thể kháng cự nổi”², phản ánh

tính chất đặc biệt của sự kiện khiến cho VPHĐ không làm phát sinh trách nhiệm dân sự. Để nhận diện SKBKK, các quan điểm trong khoa học pháp lý đều đang khá thống nhất trong việc đưa ra ba tiêu chí xác định loại sự kiện này gồm: (i) Tính khách quan; (ii) Tính không thể lường trước được; (iii) Tính không thể khắc phục được. Trên phương diện pháp luật thực định, Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 tại khoản 1 Điều 156 về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự cũng đang có cách tiếp cận tương tự khi quy định: “SKBKK là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”. Trong đó, các tiêu chí xác định SKBKK cụ thể như sau:

Thứ nhất, sự kiện phải xảy ra một cách khách quan

Thuật ngữ “khách quan” thường được sử dụng để chỉ một sự vật, hiện tượng tồn tại trong thế giới khách quan và nằm ngoài ý thức chủ quan của con người. Theo đó, cách quy định “sự kiện bất khả kháng... xảy ra một cách khách quan” dẫn tới cách hiểu sự kiện này phát sinh một cách độc lập so với ý thức chủ quan của con người. Tuy nhiên, một vấn

¹ Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Luật Hà Nội, email: ngtongbaominh@gmail.com

² Nông Quốc Bình (2012), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn đối với điều khoản bất khả kháng trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, Tạp chí Luật học, số 5, tr. 10.



đề còn thu hút nhiều quan điểm tranh luận là tính khách quan được xem xét trong phạm vi ý thức của các chủ thể nào. Về vấn đề này, hiện nay pháp luật vẫn chưa đưa ra cách hiểu thống nhất về tính khách quan nêu trên. Do đó, trong khoa học pháp lý tồn tại ba quan điểm khác nhau như sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, tính khách quan của SKBKK phải được hiểu là sự kiện này phát sinh không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ chủ thể nào, hay nói cách khác, SKBKK phải khách quan đối với tất cả các chủ thể trong xã hội, bao gồm cả các bên trong quan hệ hợp đồng và các bên thứ ba khác không tham gia vào quan hệ³. Theo cách tiếp cận này thì SKBKK sẽ chỉ có thể bao gồm các hiện tượng tự nhiên như thiên tai, hạn hán...

Quan điểm thứ hai cho rằng, tính khách quan của SKBKK chỉ nên được nhìn nhận một cách tương đối, là sự kiện này chỉ cần phát sinh không phụ thuộc vào ý chí của các bên trong quan hệ hợp đồng được xét^{4,5}. Thậm chí, một số tác giả còn cho rằng SKBKK phải nằm bên ngoài quan hệ, không có mối liên hệ gì với các bên trong hợp đồng⁶. Cách tiếp cận này đã mở rộng hơn so với quan điểm thứ nhất, cho phép SKBKK có thể bao gồm cả các hiện tượng tự nhiên và các hiện tượng chính trị - xã hội do các chủ thể khác gây ra như chiến tranh, bạo loạn, khủng bố...

Quan điểm thứ ba cho rằng, tính khách quan của SKBKK được thể hiện ở chỗ sự kiện này “*nằm ngoài phạm vi kiểm soát của bên vi phạm hợp đồng*”^{7,8}. Quan điểm này cũng chưa thực sự toàn diện khi không loại trừ được các sự kiện do bên bị vi phạm gây ra. Đối với các trường hợp VPHĐ xảy ra do sự tác động của các sự kiện nằm trong sự kiểm soát hoặc do bên bị vi phạm gây ra, khi đó trách nhiệm dân sự không phát sinh là do vi phạm xảy ra hoàn toàn do lỗi của bên bị vi phạm, không phải do SKBKK.

Từ những phân tích trên, theo quan điểm của

tác giả, cách hiểu về tính khách quan của SKBKK theo quan điểm thứ hai có lẽ sẽ hợp lý hơn. Bởi lẽ, cách hiểu về tính khách quan này cũng cần thể hiện được sự phù hợp với các sự kiện được thừa nhận một cách rộng rãi là SKBKK. Có thể kể đến một số sự kiện thường được coi là SKBKK trên thực tế như hỏa hoạn, lũ lụt, hạn hán, thiên tai, bạo loạn, đảo chính, khủng bố... Đồng thời, các sự kiện này cũng cần đảm bảo được tính độc lập so với ý thức chủ quan của cả bên VPHĐ và bên bị vi phạm. Vì vậy, tiêu chí về tính khách quan của SKBKK nên được tiếp cận theo hướng đây là một sự kiện khách quan đối với các bên trong quan hệ hợp đồng đang được xét tới.

Thứ hai, sự kiện phải không thể lường trước được

Tính không thể lường trước được có thể được hiểu là các chủ thể trong quan hệ hợp đồng không biết và không có khả năng biết hay dự đoán về sự xuất hiện của SKBKK. Tiêu chí này phản ánh tính chất đột ngột, bất ngờ của SKBKK cũng như gắn liền với vấn đề chấp nhận rủi ro của chủ thể khi xác lập nghĩa vụ. Cho dù hiện nay các quan điểm trong khoa học pháp lý đều thống nhất cho rằng SKBKK phải có tính không thể lường trước được, tuy nhiên cách luận giải về tiêu chí này vẫn còn tồn tại có những điểm khác biệt nhất định.

Trước tiên, vì quy định của pháp luật hiện hành không xác định rõ tính chất không thể lường trước được của SKBKK được áp dụng đối với những chủ thể nào nên vấn đề này vẫn còn tồn tại một số quan điểm trái chiều. Có quan điểm cho rằng, yếu tố không thể lường trước được ở đây được hiểu là sự kiện xảy ra nằm ngoài dự đoán của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng⁹. Trong khi đó, cũng có quan điểm cho rằng tính không thể lường trước được xác định thông qua việc xem xét “*bên không thực hiện đúng hợp đồng có thể dự liệu được sự xuất hiện của trở ngại này vào thời điểm xác lập hợp đồng hay không*”¹¹. Nếu đặt trong phạm

³ Trần Thị Huệ - Nguyễn Văn Cừ (2019), *Các trường hợp LTTN bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo pháp luật Việt Nam, so chiếu với pháp luật của một số quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu*, Kỷ yếu hội thảo Trách nhiệm dân sự và hợp đồng: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên minh Châu Âu, tr. 104.

⁴ Nguyễn Mạnh Linh (2018), *LTTN bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, tr. 28.

⁵ Đỗ Giang Nam - Trần Quang Cường (2021), *Thiên nga đen - Covid-19 và cơ chế điều chỉnh pháp luật hợp đồng Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 13, <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210817>, truy cập ngày 03/12/2023.

⁶ Catherine Renault (2020), *Covid-19 – legal concepts in France and Algeria; a civil law perspective*, <https://www.systech-int.com/insights/thoughts/covid-19-legal-concepts-in-france-and-algeria-a-civil-law-perspective>, truy cập ngày 14/4/2025.

⁷ Đinh Văn Cường (2021), *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, tr. 118.

⁸ Đỗ Văn Đại (2020), *Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án (tập 2)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 552 - 553.

⁹ Klaus Peter Berger - Daniel Behn (2020), *Force Majeure and Hardship in the Age of Corona: A Historical and Comparative Study*, McGill Journal of Dispute Resolution, Volume (6), p. 90, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3575869, truy cập ngày 23/6/2023.

¹⁰ Phạm Diệu Hương (2022), *Căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 40.

¹¹ Bùi Thị Thanh Hằng (2018), *Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng*, Luận án tiến sĩ luật học, tr. 55.

vi nghiên cứu về LTTN do VPHĐ, tính không thể lường trước được của SKBKK dường như chỉ được xem xét đối với bên vi phạm, bởi đây là chủ thể yêu cầu được giải phóng khỏi trách nhiệm dân sự. Việc xem xét tính không thể lường trước được chủ yếu là để xác định bên vi phạm có chấp nhận rủi ro đối với sự kiện khi xác lập nghĩa vụ hay không cũng như để đánh giá sự tác động của sự kiện đối với khả năng thực hiện nghĩa vụ của chủ thể này. Nếu bên vi phạm lường trước được việc sự kiện trở ngại tới việc thực hiện hợp đồng có thể xảy ra mà vẫn tiến hành xác lập nghĩa vụ, bên vi phạm được coi là đã chấp nhận rủi ro và phải chịu trách nhiệm nêu như không thực hiện đúng nghĩa vụ.

Về cách thức để xác định một sự kiện có thể lường trước được hay không. Có quan điểm đưa ra cách thức xác định tính không thể lường trước được thông qua việc đánh giá trong mối tương quan với các chủ thể bình thường trong xã hội: “*năng lực xem xét một sự kiện có xảy ra được hay không được xét từ vị trí của một thương nhân bình thường chứ không phải một chuyên gia chuyên sâu*”¹². Cách thức xác định trên là phù hợp nhưng chưa thực sự đầy đủ vì vẫn có trường hợp cho dù chủ thể bình thường không có khả năng dự liệu trước nhưng trên thực tế bên vi phạm đã dự liệu được sự kiện xảy ra thì sự kiện này cũng không thể được coi là SKBKK để LTTN. Do đó, để xác định tính không thể lường trước, cần phải thực hiện qua hai bước. Trước tiên, phải đánh giá thực tế chủ thể đã lường trước được sự kiện hay không. Nếu trên thực tế bên vi phạm đã lường trước, dự đoán được sự kiện sẽ xảy ra thì sự kiện này không thể được coi là SKBKK. Chỉ khi không có căn cứ xác định thì mới đánh giá khả năng lường trước sự kiện thông qua việc giả định đặt một chủ thể thông thường trong hoàn cảnh tương tự với bên vi phạm để xem xét năng lực dự đoán, dự liệu sự kiện. Từ đó, để một sự kiện được coi là không thể lường trước được thì bên vi phạm phải không dự liệu được sự kiện này trên thực tế, đồng thời bất cứ chủ thể thông thường nào trong xã hội đặt trong hoàn cảnh tương tự với bên vi phạm cũng không thể dự liệu được sự xảy ra của sự kiện này.

Bên cạnh đó, thời điểm xem xét tính không thể lường trước được của SKBKK cũng là một vấn đề cần nghiên cứu. Một số quan điểm cho rằng thời điểm xem xét tính không thể lường trước của sự kiện là thời điểm giao kết hợp đồng¹³. Tuy nhiên, cách xác định như vậy là chưa thực sự đầy đủ bởi tính không thể lường trước của SKBKK cần đặt trong mối tương quan với nghĩa vụ chịu tác động

của sự kiện này. Do vậy, thời điểm để xác định bên vi phạm có lường trước được sự kiện hay không chính là thời điểm nghĩa vụ được xác lập. Trên thực tế, thời điểm xác lập của nghĩa vụ trong hợp đồng không chỉ giới hạn ở thời điểm giao kết hợp đồng mà cũng có thể bao gồm cả các thời điểm khác như thời điểm sửa đổi hợp đồng. Như vậy, trong quan hệ hợp đồng, bên vi phạm phải không lường trước được về sự xuất hiện của SKBKK tại thời điểm xác lập nghĩa vụ không được thực hiện đúng đang được xem xét để LTTN. Nếu kể từ thời điểm này trở về trước mà bên vi phạm đã lường trước hay dự đoán được về sự xuất hiện của sự kiện mà vẫn xác lập nghĩa vụ thì lúc này họ đã thể hiện ý chí chấp nhận rủi ro, do đó vẫn sẽ phải chịu trách nhiệm nêu như nghĩa vụ bị vi phạm.

Thứ ba, sự kiện phải không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép

Trước tiên, tính không thể khắc phục của SKBKK ở đây có thể được hiểu là bên vi phạm không thể nào tránh được sự tác động của sự kiện, nói cách khác SKBKK phải hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát của bên VPHĐ. Tuy nhiên, tiêu chí này còn đòi hỏi bên vi phạm phải “*áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”. Điều kiện này là một sự thể hiện của nguyên tắc thiện chí trong quan hệ dân sự, đòi hỏi bên có nghĩa vụ trong hợp đồng vẫn phải tận tâm thực hiện cam kết của mình bằng mọi biện pháp trong khả năng cho phép để có thể đạt được mục đích của hợp đồng. Chỉ khi đã áp dụng các biện pháp như trên mà vẫn không thể thực hiện đúng nghĩa vụ thì khi đó sự kiện mới có thể được coi là nằm ngoài tầm kiểm soát của họ.

Bên cạnh đó, một vấn đề cũng cần phải nghiên cứu chính là yếu tố “*mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*” có yêu cầu bên vi phạm bắt buộc phải có hành vi thực tế hay không? Có quan điểm cho rằng bên vi phạm phải chứng minh được mình đã áp dụng các biện pháp để khắc phục hậu quả¹⁴. Tuy nhiên, nếu tác động của sự kiện là quá lớn và bên vi phạm dựa vào chuyên môn, kinh nghiệm của họ xác định được rằng không có biện pháp nào là hiệu quả để làm giảm thiểu tác động của sự kiện, thì pháp luật có buộc họ vẫn phải thực hiện biện pháp nào đó để được LTTN hay không? Hiện nay, quy định về SKBKK tại Điều 156 BLDS năm 2015 vẫn chưa đưa ra cách hiểu thống nhất về vấn đề này.

Theo quan điểm của tác giả, quy định “*mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả*

¹² Lê Văn Sua (2017), *Quy định của pháp luật về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2149>, truy cập ngày 03/12/2023.

¹³ Phạm Diệu Hương (2022), *tlđđ*, tr. 40.

¹⁴ Nguyễn Mạnh Linh (2018), *tlđđ*, tr. 30.



năng cho phép” về bản chất là một yêu cầu của pháp luật để đảm bảo một SKBKK thực sự đã nằm ngoài tầm kiểm soát của bên vi phạm. Nếu bên vi phạm tìm ra được biện pháp khả thi thì họ phải áp dụng biện pháp đó. Tuy nhiên, nếu tác động của sự kiện là quá lớn khiến cho không thể tìm ra bất cứ biện pháp nào để giảm thiểu tác động của sự kiện, thì có thể hiểu theo hướng trong trường hợp này đã không có bất cứ biện pháp trong khả năng cho phép, nên cũng không buộc bên vi phạm phải áp dụng thêm biện pháp để chỉ được LTTN. Nói cách khác, nếu bên vi phạm không thực hiện hành vi trên thực tế nhưng chứng minh được rằng dù có hành động vẫn không thể khắc phục được tác động của sự kiện thì xem như đã thỏa mãn điều kiện này. Cách hiểu này vừa đảm bảo SKBKK nằm ngoài tầm kiểm soát, vừa giúp giảm thiểu những chi phí không đáng có.

Như vậy, qua những phân tích trên, để xác định SKBKK trong LTTN do VPHĐ cần dựa vào các tiêu chí sau:

Một là, SKBKK xảy ra một cách khách quan đối với các bên trong quan hệ hợp đồng.

Hai là, SKBKK không thể lường trước được. đặt trong LTTN do VPHĐ, tính không thể lường trước của SKBKK được xem xét đối với bên VPHĐ. Chủ thể này được coi là không lường trước được một sự kiện khi thực tế đã không dự liệu được sự kiện đó tại thời điểm xác lập nghĩa vụ và bất cứ chủ thể bình thường nào đặt trong hoàn cảnh tương tự cũng không thể dự liệu được việc sự kiện đó có thể xảy ra tác động tới khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Ba là, SKBKK không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Tiêu chí này có thể được xem như đã thỏa mãn mà không buộc bên vi phạm phải thực hiện các biện pháp thực tế nếu chủ thể này chứng minh được rằng dù có hành động vẫn không thể khắc phục được tác động của sự kiện đối với việc thực hiện nghĩa vụ.

2. Điều kiện và hệ quả pháp lý của loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng

Khoản 2 Điều 351 BLDS năm 2015 quy định: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do SKBKK thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Quy định này đặt ra hai điều kiện mà bên vi phạm phải chứng minh để được LTTN, bao gồm: (i) Đã có SKBKK xảy ra trên thực tế; (ii) SKBKK đó phải là nguyên nhân trực tiếp khiến cho bên có nghĩa

vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ.

Đối với điều kiện thứ nhất, bên vi phạm cần phải chứng minh một sự kiện trên thực tế thỏa mãn các tiêu chí để được coi là SKBKK như đã phân tích tại Mục 1.

Đối với điều kiện thứ hai, bên vi phạm phải chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa SKBKK và VPHĐ. Theo đó, hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng phải có nguyên nhân trực tiếp là từ sự tác động của SKBKK mà không phải là do bất cứ nguyên nhân nào khác. SKBKK phải trực tiếp làm suy giảm khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên vi phạm tới mức bên này không có cách nào khác để thực hiện đúng nghĩa vụ. Điều kiện này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế bên vi phạm lạm dụng SKBKK để trốn tránh trách nhiệm dân sự.

Ngoài hai điều kiện nêu trên, Luật Thương mại (LTM) năm 2005 cũng quy định thêm về nghĩa vụ thông báo của bên vi phạm tại khoản 1 Điều 295 Luật này. Một số quan điểm cho rằng quy định trên đã đặt ra thêm điều kiện để được LTTN khi VPHĐ xảy ra do SKBKK. Theo quan điểm này, để được LTTN, bên vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ thông báo bên cạnh việc chứng minh hai điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 351 BLDS năm 2015¹⁵.

Vấn đề pháp lý là khoản 1 Điều 295 LTM năm 2005 có phải là một điều kiện để được LTTN hay không? Tác giả cho rằng nghĩa vụ này không được coi là một điều kiện mà bên vi phạm phải đáp ứng để được LTTN do VPHĐ. Cụ thể, điều kiện LTTN được quy định tại Điều 294 LTM năm 2005, chỉ yêu cầu bên vi phạm chứng minh về trường hợp SKBKK. Điều 295 chỉ đặt ra thêm nghĩa vụ thông báo của bên VPHĐ nhưng không quy định nếu không thực hiện thì không được LTTN. Cho dù khoản 2 Điều 295 LTM năm 2005 quy định *“nếu bên vi phạm không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại”* nhưng trong trường hợp bên vi phạm không thông báo hoặc không thông báo kịp thời về SKBKK thì thực chất đang tồn tại hai vi phạm nghĩa vụ: *Một là*, VPHĐ do SKBKK, vốn có thể được LTTN theo Điều 294 LTM năm 2005 (bao gồm cả các loại trách nhiệm do VPHĐ khác như trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng, trách nhiệm trả tiền phạt vi phạm...); *Hai là*, vi phạm nghĩa vụ thông báo theo khoản 1 Điều 295 LTM năm 2005. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định tại khoản 2 Điều 295 LTM năm 2005 về bản chất là trách nhiệm áp dụng đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ thông báo, không phải là trách

¹⁵ Hà Văn Dương (2022), *Pháp luật về miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng trong lĩnh vực thương mại*, Luận văn thạc sĩ luật học, tr. 47.

nhiệm do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Điều này cũng phù hợp với các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm do VPHĐ. Cụ thể, khi VPHĐ xảy ra do SKBKK, bên vi phạm không thể lựa chọn cách xử sự nào khác ngoài việc phải VPHĐ nên được coi là không có lỗi, không làm phát sinh trách nhiệm dân sự. Nghĩa vụ thông báo về SKBKK là một nghĩa vụ độc lập do pháp luật quy định, việc vi phạm nó không khiến cho bên vi phạm trở thành có lỗi đối với hành vi VPHĐ ban đầu, nên không thể coi là một điều kiện để LTTN.

Một khi các điều kiện nêu trên đã được thỏa mãn, vấn đề quan trọng tiếp theo cần được nghiên cứu chính là hệ quả pháp lý từ cơ chế LTTN này. Theo đó, khi VPHĐ xảy ra do SKBKK thì bên vi phạm *“không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Việc không phải chịu trách nhiệm dân sự, xét về mặt bản chất, nên được hiểu là trách nhiệm dân sự không phát sinh¹⁶. Hệ quả không phát sinh trách nhiệm dân sự là do khi VPHĐ xảy ra do SKBKK thì đã làm khuyết đi yếu tố lỗi của bên vi phạm – một trong những điều kiện làm phát sinh trách nhiệm do VPHĐ. Nói cách khác, khi VPHĐ xảy ra do SKBKK, bên vi phạm đã không thể lựa chọn xử sự nào khác, chính điều này đã khiến cho chủ thể này không có lỗi nên không làm phát sinh trách nhiệm dân sự.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 351 BLDS năm 2015 lại quy định cho phép các bên có thể thỏa thuận hoặc pháp luật có thể quy định về việc bên vi phạm vẫn phải chịu trách nhiệm dù VPHĐ xảy ra do SKBKK. Quy định trên là chưa thực sự hợp lý, bởi lẽ trách nhiệm dân sự không nên được đặt ra dù bằng bất cứ cách thức nào đối với một vi phạm xảy ra do SKBKK vì về bản chất việc xảy ra vi phạm trong trường hợp này là một điều không thể tránh khỏi do đó chủ thể vi phạm không nên phải chịu trách nhiệm dân sự.

Đồng thời, cũng từ hệ quả pháp lý nêu trên, có thể xác định SKBKK có thể giúp loại trừ tất cả các loại trách nhiệm dân sự cho bên VPHĐ. Những loại trách nhiệm do VPHĐ có thể được loại trừ bao gồm trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do VPHĐ, trách nhiệm chịu phạt vi phạm.

Đối với trách nhiệm buộc thực hiện đúng nghĩa vụ, trường hợp này không thể xác định là trách nhiệm buộc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ không được loại trừ, bởi vì SKBKK đã khiến cho việc thực hiện nghĩa vụ là không thể trên thực tế nên loại trách nhiệm này không thể được đặt ra. Việc

bên có nghĩa vụ vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ sau khi SKBKK chấm dứt như đã nêu trên thực chất chính là nghĩa vụ đã được kéo dài thời hạn và các bên đang tiếp tục thực hiện hợp đồng chứ không phải là bên không thực hiện đúng nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm buộc tiếp tục thực hiện đúng nghĩa vụ. Nội dung này cũng được quy định tương đối chi tiết trong LTM năm 2005 tại Điều 296 về kéo dài thời hạn, từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng. Theo đó, khi SKBKK xảy ra thì thời hạn thực hiện nghĩa vụ có thể được kéo dài theo thỏa thuận của các bên hoặc tương ứng với thời gian xảy ra SKBKK cộng thêm một khoảng thời gian hợp lý. Quy định trên tại Điều 296 LTM năm 2005 đã thể hiện được rõ bản chất là trách nhiệm buộc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đã không phát sinh khi xảy ra SKBKK, thay vào đó nghĩa vụ đã được gia hạn thời gian thực hiện.

3. Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về loại trừ trách nhiệm dân sự do sự kiện bất khả kháng

Thứ nhất, về quy định riêng đối với sự kiện bất khả kháng

Hiện nay, SKBKK mới chỉ được quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 trong quy định về vấn đề thời hiệu. Cách kết cấu này chưa thực sự đảm bảo tính logic. Bởi lẽ, SKBKK là một khái niệm pháp lý được viện dẫn bởi nhiều chế định của pháp luật khác nhau, bao gồm cả chế định về trách nhiệm dân sự, nhưng khái niệm này lại được quy định trong một điều luật về thời hiệu. Do đó, SKBKK cần phải được thiết kế một quy định riêng về khái niệm và các tiêu chí nhận diện trong phân chung của BLDS để nâng cao tính khoa học và hệ thống.

Thứ hai, về các tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng

Ba tiêu chí nhận diện SKBKK hiện hành tại khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 vẫn chưa thực sự rõ ràng và còn gây ra nhiều cách hiểu khác nhau, dẫn đến việc áp dụng pháp luật còn phụ thuộc rất nhiều vào ý chí chủ quan của chủ thể áp dụng pháp luật. Do vậy, cần thiết phải ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm làm rõ và thống nhất khái niệm SKBKK. Trong phạm vi LTTN do VPHĐ, có thể quy định chi tiết theo một số định hướng như sau:

Một là, quy định rõ SKBKK là sự kiện xảy ra một cách khách quan với các bên trong quan hệ hợp đồng

Pháp luật hiện hành chưa xác định cụ thể tính khách quan của SKBKK là khách quan trong phạm vi xem xét những chủ thể nào, khách quan đối với tất cả mọi chủ thể trong xã hội, khách quan

¹⁶ Trần Thị Huệ (2020), *Một số bất cập trong quy định của pháp luật về LTTN bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thương mại*, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, số 42, tr. 45.



đối với các chủ thể trong quan hệ hợp đồng hay chỉ khách quan với một bên chủ thể. Từ những phân tích tại Mục 1, trong các cách tiếp cận, cách hiểu tính khách quan là nằm ngoài ý chí chủ quan của các bên trong hợp đồng là phù hợp hơn cả, tương thích với thực tiễn và thông lệ quốc tế khi công nhận cả các sự kiện chính trị - xã hội như chiến tranh, bạo loạn là SKBKK.

Hai là quy định rõ SKBKK phải không thể lường trước được bởi bên vi phạm tại thời điểm xác lập nghĩa vụ trong hợp đồng.

Điều 156 BLDS năm 2015 vẫn chưa có quy định về thời điểm nào sẽ được sử dụng để xem xét xem các bên có lường trước được một sự kiện hay không. Như đã nêu trên, điều này đã dẫn tới một cách hiểu tương đối phổ biến là SKBKK phải không thể lường trước được tại thời điểm giao kết hợp đồng đối với trường hợp LTTN do VPHĐ. Tuy nhiên, có lẽ sẽ hợp lý hơn nếu xác định thời điểm này là thời điểm xác lập nghĩa vụ bị vi phạm.

Ngoài ra, quy định của pháp luật cũng chưa xác định tính không thể lường trước này sẽ được xem xét đối với chủ thể nào. Điều này cũng có thể dẫn tới những quan điểm không thống nhất về các vấn đề bên vi phạm phải chứng minh để được LTTN. Theo quan điểm của tác giả, đối với LTTN do VPHĐ, cần phải quy định chi tiết SKBKK phải không thể lường trước được bởi bên VPHĐ, đồng thời cũng đưa ra các cách thức để đánh giá bên vi phạm có thể lường trước được sự kiện hay không. Như đã phân tích trên, có thể dựa vào thực tế bên vi phạm đã lường trước được sự kiện hay không, kết hợp với việc xem xét một chủ thể bình thường đặt trong hoàn cảnh tương tự có thể dự liệu được khả năng xảy ra của sự kiện hay không.

Ba là, đối với tiêu chí về không thể khắc phục được dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, cần bổ sung trường hợp bên vi phạm không buộc phải thực hiện các biện pháp thực tế nếu chứng minh được không có biện pháp nào có thể thay đổi được tác động của sự kiện đối với việc thực hiện nghĩa vụ.

Pháp luật hiện hành mới chỉ quy định SKBKK không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, tuy nhiên chưa dự liệu về trường hợp xử lý thế nào nếu như không có biện pháp nào có thể khắc phục được tác động của sự kiện đối với việc thực hiện hợp đồng.

Do vậy, cần phải quy định rõ về tiêu chí không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép có yêu cầu bên chịu sự tác động bởi SKBKK phải có hành vi thực tế thể hiện sự nỗ lực trong việc khắc phục sự

tác động của SKBKK hay không. Theo quan điểm của tác giả, việc bên vi phạm có các hành vi nhằm khắc phục các cản trở khách quan để thực hiện nghĩa vụ là một sự thể hiện của nguyên tắc thiện chí. Tuy nhiên, không nên hiểu trong bất cứ trường hợp nào nguyên tắc thiện chí cũng đòi hỏi bên vi phạm phải thực hiện các hành vi nhằm khắc phục cản trở của SKBKK. Trong một số trường hợp tác động của SKBKK là quá lớn khiến cho việc bên vi phạm thực hiện những hành vi nhất định mang tính khắc phục chỉ để được LTTN có thể dẫn tới những hao phí không đáng có mà vi phạm nghĩa vụ hay thiệt hại vẫn không thể tránh được. Vì vậy, pháp luật cũng cần cho phép bên vi phạm nếu như có thể chứng minh được rằng trong khả năng cho phép không có bất cứ biện pháp nào có thể đủ hiệu quả để làm giảm thiểu tác động của SKBKK thì vẫn có thể được LTTN.

Kết luận:

Từ những phân tích trên, bài viết đã chỉ ra những bất cập trong quy định pháp luật Việt Nam về SKBKK. Thông qua việc phân tích các tiêu chí nhận diện và điều kiện LTTN, bài viết đã đưa ra những luận giải nhằm thống nhất cách hiểu, đặc biệt là về phạm vi của tính khách quan, thời điểm xác định tính không thể lường trước, và yêu cầu hợp lý về khả năng khắc phục. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các kiến nghị về việc xây dựng một quy định pháp lý chung và ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm tạo dựng một cơ chế LTTN rõ ràng, phù hợp hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nông Quốc Bình (2012), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn đối với điều khoản bất khả kháng trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*, Tạp chí Luật học, số 5/2012.
2. Đinh Văn Cường (2021), *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học.
3. Đỗ Văn Đại (2020), *Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án (tập 2)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Hà Văn Dương (2022), *Pháp luật về miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng trong lĩnh vực thương mại*, Luận văn thạc sĩ luật học.
5. Bùi Thị Thanh Hằng (2018), *Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng*, Luận án tiến sĩ luật học.
6. Trần Thị Huệ (2020), *Một số bất cập trong quy định của pháp luật về loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng thương mại*, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, số 42.



Tạp chí

Nghề Luật

Legal Professions Review

ISSN 1859-3631

TẠP CHÍ KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN TƯ PHÁP

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM !



- Dự án Luật Căn cước công dân sửa đổi - Hành lang pháp lý trong chuyển đổi số
- Quy định pháp luật về nguyên tắc áp dụng án lệ trong giải quyết các vụ, việc dân sự ở Việt Nam - Một số ý kiến bàn luận
- Quản lý nhà nước đối với lao động giúp việc gia đình và một số kiến nghị



Tổng biên tập

NGUYỄN MINH HẰNG

Thư ký Tòa soạn

ĐỖ THỊ THU HẰNG

Hội đồng cố vấn

GS.TSKH. LÊ CẨM

GS.TS. TRẦN NGỌC ĐƯỜNG

PGS.TS. PHẠM HỒNG HẢI

GS.TS. HOÀNG THẾ LIÊN

GS.TS. NGUYỄN THỊ MƠ

TS. KHUẤT VĂN NGÀ

PGS.TS. PHẠM HỮU NGHỊ

TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG

TS. NGUYỄN VĂN QUYẾN

GS.TS. LÊ MINH TÂM

GS.TS. NGUYỄN XUÂN YÊM

Hội đồng biên tập

NGUYỄN XUÂN THU

NGUYỄN MINH HẰNG

LÊ HỒNG HẠNH

VÕ KHÁNH VINH

HOÀNG VĂN NGHĨA

ĐOÀN TRUNG KIẾN

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

NGUYỄN VĂN HUYỀN

NGUYỄN VĂN MÍCH

VĂN THỊ TÂM HỒNG

TRƯƠNG THẾ CÔN

NGUYỄN TRƯỜNG THIẾP

LÊ MAI ANH

NGUYỄN THANH PHÚ

ĐỖ THỊ THU HẰNG

LÊ THU HẰNG

NGÔ THỊ NGỌC VÂN

ĐỒNG THỊ KIM THOA

NGUYỄN THỊ VÂN ANH

TRẦN MINH TIẾN

PHẠM THỊ THUỶ HỒNG

LÊ THỊ THUỶ NGÀ

VŨ THỊ THU HIỀN

BÙI NGUYỄN PHƯƠNG LÊ

Trụ sở Tòa soạn

Số 9 Đường Trần Vỹ

Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (024) 62873428 (128-118)

Email: nghehuathtvp@gmail.com

Chế bản tại

Công ty TNHH một thành viên

In Quân đội 1

Giấy phép hoạt động tạp chí in số 232/GP-BTTTT
Ngày 20 tháng 5 năm 2022

In tại Công ty TNHH in Mặt Trời

MỤC LỤC

Trang

NGHIÊN CỨU TRA OI

- Dự án Luật Căn cước công dân sửa đổi – Hành lang pháp lý trong chuyển đổi số 3
Nguyễn Minh Hằng
- Quy định pháp luật về nguyên tắc áp dụng án lệ trong giải quyết các vụ, việc dân sự ở Việt Nam – Một số ý kiến bàn luận 10
Nguyễn Thị An Na
- Loại trừ trách nhiệm dân sự do lỗi của bên bị vi phạm 15
Nguyễn Văn Hoi
Nguyễn Tổng Bảo Minh
- Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng, sức khỏe xâm phạm 20
Nguyễn Hồng Quang
- Một số vấn đề về chính sách tích tụ, tập trung ruộng đất hiện nay 25
Bùi Thái Hà
- Quản lý nhà nước đối với lao động giúp việc gia đình và một số kiến nghị 30
Hồ Thị Thùy Linh
- Hoàn thiện quy định pháp luật về thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong ngân hàng thương mại cổ phần - Thực tiễn áp dụng và giải pháp đề xuất 35
Phan Bá Đạt
- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam 43
Đặng Tiến Đông
- Thúc đẩy chính sách tín dụng cho người yếu thế ở Việt Nam 49
Phan Đăng Hải
- Thời hiệu khởi kiện đối với quyết định giải quyết khiếu nại hành chính - Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện 55
Nguyễn Tuấn Hải
- Thực trạng thi hành án treo, án cải tạo không giam giữ, kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật 60
Nguyễn Thanh Mai
Nguyễn Thị Thu Minh
- Nguyên nhân của vi phạm và tội phạm kinh tế trên thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam và giải pháp phòng ngừa 66
Phạm Thị Hồng Nhung
- Giải pháp hoàn thiện pháp luật tổ tụng hình sự góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm theo chức năng của lực lượng công an nhân dân 71
Phạm Xuân Việt

ĐÀO TẠO - BỒI DƯỠNG

- Giảng dạy đạo đức và ứng xử nghề nghiệp gắn với giảng dạy kỹ năng hành nghề trong Chương trình chi tiết đào tạo nghề luật sư theo hệ thống tín chỉ năm 2023 áp dụng tại Học viện Tư pháp 75
Vũ Thị Hòa
Vũ Thị Hương

PHÁP LUẬT THẾ GIỚI

- Quy định của Công ước Singapore về công nhận và thi hành các thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế thông qua hòa giải 80
Nguyễn Mai Linh
- Kinh nghiệm quốc tế về giảng dạy Luật Sở hữu trí tuệ tại các trường đại học 87
Phạm Thanh Nga

TABLE OF CONTENTS

JUDICIAL ACADEMY

Legal Professions Review

Vol 09
2023

Editor in Chief

NGUYEN MINH HANG

Sub Editor

DO THI THU HANG

Advisory Board

LE CAM, Prof. Sc. PhD.

TRAN NGOC DUONG, Prof. PhD.

PHAM HONG HAI, Assoc.Prof.PhD

HOANG THE LIEN, Prof. PhD

NGUYEN THI MO, Prof. PhD.

KHUAT VAN NGA, PhD.

PHAM HUU NGHI, Assoc.Prof.PhD

DANG QUANG PHUONG, PhD.

NGUYEN VAN QUYEN, PhD.

LE MINH TAM, Prof. PhD.

NGUYEN XUAN YEM, Prof. PhD.

Editorial Board

NGUYEN XUAN THU

NGUYEN MINH HANG

LE HONG HANH

VO KHANH VINH

HOANG VAN NGHIA

DOAN TRUNG KIEN

NGUYEN VAN CUONG

NGUYEN VAN HUYEN

NGUYEN VAN MICH

VAN THI TAM HONG

TRUONG THE CON

NGUYEN TRUONG THIEP

LE MAI ANH

NGUYEN THANH PHU

DO THI THU HANG

LE THU HANG

NGO THI NGOC VAN

DONG THI KIM THOA

NGUYEN THI VAN ANH

TRAN MINH TIEN

PHAM THI THUY HONG

LE THI THUY NGA

VU THI THU HIEN

BUI NGUYEN PHUONG LE

Headquarters

9 Tran Vy

Mai Dich - Cau Giay - Ha Noi

Tel: (024) 62873428 (128-118)

Email: ngheluathvtp@gmail.com

Mock-up

Army Print No1 one Member

Limited Liability company

Operation Registration Certificate

for printed Magazine No.232/GP-BTTTT

Dated May 20 2022

Printed at Sun Printing Company Limited

RESEARCH AND DISCUSSION

- The Law Project of the revised Citizen Identification - Legal corridor in digital transformation 3
Nguyen Minh Hang
- Legal regulations on principle of applying case law in settling civil cases and matters in Vietnam - Some ideas for discussion 10
Nguyen Thi An Na
- Exclusion of civil responsibility due to the violated party's fault 15
Nguyen Van Hoi
Nguyen Tong Bao Minh
- Some recommendations to refine legal regulations on compensation for non-contractual damages due to infringement of life and health 20
Nguyen Hong Quang
- Some issues on policy of land concentration and accumulation recently 25
Bui Thai Ha
- State management on domestic workers and some recommendations 30
Ho Thi Thuy Linh
- Refining legal regulations on independent member of the Executive Board in joint-stock commercial banks-practical application and solutions 35
Phan Ba Dat
- Some solutions to refine legal regulations on solving bad debt at commercial banks in Vietnam 43
Dang Tien Dong
- Promoting credit policy for the disadvantaged people in Vietnam 49
Phan Dang Hai
- The statute of limitations for filing a lawsuit against a decision to resolve an administrative complaint - situation and recommendations for finalization 55
Nguyen Tuan Hai
- Situation of enforcement of suspended sentences, non-custodial reform sentences, recommendations for refining legal regulations 60
Nguyen Thanh Mai
Nguyen Thi Thu Minh
- Causes of infringement and economic crimes in Vietnam's derivatives market and preventative solutions 66
Pham Thi Hong Nhung
- Solutions to refine criminal procedural law to contribute to the improvement of efficiency in preventing and stopping crimes under according to the function of the People's Public Security force 71
Pham Xuan Viet

TRAINING – RETRAINING

- Teaching ethics and professional behavior attached with training professionals skills in the detailed credit - based program of training lawyers in 2023 which is applied at Judicial Academy 75
Vu Thi Hoa
Vu Thi Huong

INTERNATIONAL LAW

- Regulations in the Singapore Convention on recognition and enforcement of agreements on the settlement of international commercial disputes 80
Nguyen Mai Linh
- International experiences on teaching the IP Law at universities 87
Pham Thanh Nga

LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ DO LỖI CỦA BÊN BỊ VI PHẠM¹Nguyễn Văn Hợi²Nguyễn Tổng Bảo Minh³

Tóm tắt: Ở Việt Nam, quy định về loại trừ trách nhiệm dân sự (các trường hợp không phát sinh trách nhiệm dân sự) nói chung, loại trừ trách nhiệm dân sự do lỗi của bên bị vi phạm nói riêng đã được ghi nhận từ trước khi ban hành Bộ luật Dân sự (BLDS). Qua các lần ban hành BLDS, vấn đề loại trừ trách nhiệm dân sự do lỗi của bên bị vi phạm luôn được kế thừa và hoàn thiện. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy rằng vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập cần hoàn thiện. Bài viết này tập trung phân tích, đánh giá và đưa ra kiến nghị hoàn thiện quy định về loại trừ trách nhiệm dân sự do lỗi của bên bị vi phạm.

Từ khoá: Loại trừ; trách nhiệm dân sự; lỗi.

Nhận bài: 29/7/2023

Hoàn thành biên tập: 20/9/2023

Duyệt đăng: 22/9/2023.

Abstract: In Vietnam, regulations on excluding civil liability (cases in which civil liability does not arise) in general and excluding civil liability due to the fault of the violated party in particular have been recorded before the promulgation of the Civil Code. Through the issuance of the Civil Code, the issue of excluding civil liability due to the fault of the violated party has always been inherited and improved. However, research shows that there still some limitations and inadequacies to be improved. This article focuses on analyzing, evaluating and making recommendations to improve the regulations on excluding civil liability due to the fault of the violated party.

Keywords: Exclusion; civil liability; fault.

Date of receipt: 29/7/2023

Date of revision: 20/9/2023

Date of Approval: 22/9/2023.

Đặt vấn đề:

Trong khoa học pháp lý Việt Nam hiện nay, lỗi thường được xác định là một yếu tố thuộc về mặt chủ quan của một hành vi vi phạm pháp luật. Theo đó, nhận định có tính phổ biến về yếu tố lỗi chính là “lỗi phản ánh thái độ tâm lý bên trong của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật và hậu quả pháp lý của hành vi đó”⁴. Theo nhận định này, lỗi được đánh giá dựa trên hai yếu tố thuộc về tâm lý của một chủ thể là ý chí và lý trí. Trong đó, ý chí phản ánh khả năng nhận thức của chủ thể đối với hành vi vi phạm pháp luật và hậu quả mà hành vi đó có thể gây ra, còn lý trí lại phản ánh sự mong muốn của chủ thể đối với việc thực hiện hành vi hoặc sự xảy ra của hậu quả của hành vi đó. Theo đó, có thể thấy rằng lỗi là yếu tố gắn với tâm lý, thái độ chủ quan của con người nên yếu tố lỗi chỉ được bộc lộ ra hay được xem xét khi nó được gắn với một hành vi cụ thể.

Nếu tiếp cận từ cách phân tích trên thì yếu tố lỗi là yếu tố gắn với hành vi vi phạm pháp luật -

lỗi của bên vi phạm. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để vấn đề vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, đặc biệt là trách nhiệm dân sự, pháp luật hiện hành quy định về lỗi của ba nhóm chủ thể có thể được xem xét khi vi phạm pháp luật xảy ra là: (i) Lỗi của bên vi phạm; (ii) Lỗi của bên bị vi phạm; (iii) Lỗi của người thứ ba. Trong phạm vi của bài viết này, các nghiên cứu được thực hiện chỉ liên quan đến lỗi của bên bị vi phạm với ý nghĩa là một trong các căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự, bao gồm loại trừ trách nhiệm dân sự trong hợp đồng do lỗi của bên có quyền và loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do lỗi của bên bị thiệt hại.

1. Loại trừ trách nhiệm dân sự trong hợp đồng do lỗi của bên có quyền

Trong quan hệ dân sự nói chung, quan hệ hợp đồng nói riêng, một nguyên tắc xuyên suốt qua các giai đoạn xác lập, thực hiện, chấm dứt hợp đồng chính là nguyên tắc thiện chí. Đây là một

¹ Bài báo được thực hiện trong khuôn khổ đề tài “Loại trừ trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam” của Trường Đại học Luật Hà Nội.

² Tiến sỹ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

³ Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Luật Hà Nội.

⁴ Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 424.



trong các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, được ghi nhận tại khoản 3 Điều 3 BLDS năm 2015 với nội dung: “*Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực*”. Theo đó, pháp luật đòi hỏi các chủ thể khi xác lập, thực hiện hay thậm chí là chấm dứt một quan hệ dân sự thì đều phải có sự thiện chí, hay nói cách khác, là phải hành xử hợp lý trên tinh thần hợp tác và quan tâm đến lợi ích của chủ thể còn lại, loại trừ các hành xử có dụng ý xấu, trái với sự tin tưởng hợp lý của đối tác⁵.

Tương tự như lỗi, sự thiện chí cũng là một yếu tố thuộc về tâm lý của một chủ thể nên để đánh giá một chủ thể có thiện chí hay không thì phải xem xét hành vi mà họ thực hiện. Trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, sự thiện chí của các chủ thể có thể được thể hiện thông qua các hành vi khác nhau, song một trong những hành vi phổ biến là hành vi hợp tác của các chủ thể trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong khoa học pháp lý, một số học giả đã khái quát và nâng tầm quan trọng của sự hợp tác này thành “nghĩa vụ hợp tác” (*duty of cooperation - devoir de co-opération*) trong quan hệ hợp đồng. Theo quan điểm của các học giả này, quan hệ hợp đồng là một quan hệ có bản chất hợp tác mà trong đó mỗi chủ thể đều phải thực hiện các hành vi nhằm hướng tới mục đích chung của hợp đồng, sự tổng hoà lợi ích riêng của mỗi chủ thể. Vì sự hợp tác này, nghĩa vụ không chỉ đặt ra với bên có nghĩa vụ, mà ngay cả bên có quyền cũng có nghĩa vụ phải hợp tác với bên có nghĩa vụ để hợp đồng có thể được thực hiện⁶.

Từ phân tích trên, có thể thấy đối với việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, ngay bản thân bên có quyền cũng có nghĩa vụ phải hợp tác với bên nghĩa vụ trong việc thực hiện chúng. Trong nhiều trường hợp, vấn đề thực hiện nghĩa vụ còn chịu tác động rất lớn bởi bên có quyền, thậm chí bên có nghĩa vụ không thể nào thực hiện đúng được nghĩa vụ nếu như thiếu đi sự hợp tác từ bên có quyền. Trong những trường hợp này, nguyên nhân của vi phạm hợp đồng không xuất phát từ phía bên vi phạm mà lại do lỗi của bên có quyền. Theo đó, có thể vì sự thiếu hợp tác từ bên có quyền mà nghĩa vụ đã trở nên không thể thực hiện

được, dẫn đến sự vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Từ đây, vấn đề loại trừ trách nhiệm dân sự đã được đặt ra để đảm bảo lẽ công bằng, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của bên có nghĩa vụ.

Hiện nay, quy định về loại trừ trách nhiệm dân sự trong hợp đồng do lỗi của bên có quyền được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, điển hình là BLDS năm 2015. Theo đó, khoản 3 Điều 351 của Bộ luật này quy định rằng: “*Bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu chứng minh được nghĩa vụ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của bên có quyền*”. Bên cạnh đó, điểm c khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 cũng quy định một trong các căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng đó là: “*Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia*”. Theo các quy định này, nghĩa vụ không thực hiện được hoàn toàn do lỗi của bên bị vi phạm là một căn cứ để bên vi phạm hợp đồng có thể được loại trừ toàn bộ trách nhiệm. Nghĩa là, mặc dù có hành vi vi phạm hợp đồng xảy ra nhưng không có bất cứ trách nhiệm dân sự nào được đặt ra đối với bên vi phạm hợp đồng.

Để có thể áp dụng được căn cứ loại trừ trách nhiệm này, bên vi phạm không những phải chứng minh bên bị vi phạm có lỗi, mà còn phải chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa yếu tố lỗi của bên bị vi phạm với việc không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng. Cũng giống như lỗi của bên vi phạm, lỗi của bên bị vi phạm phải được thể hiện thông qua một hành vi cụ thể của chủ thể này. Ví dụ, không tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ, cung cấp sai thông tin liên quan đến địa điểm thực hiện hợp đồng, không thông báo về việc thay đổi địa điểm thực hiện hợp đồng,... Theo những phân tích ở trên, hành vi chứa đựng lỗi của bên bị vi phạm ở đây chính là hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp tác của chủ thể này. Tuy nhiên, để hiểu rõ về vấn đề này, cần phải có sự phân biệt giữa hai trường hợp: (i) Vi phạm hợp đồng do lỗi của bên có quyền. Đây là trường hợp bên có quyền đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp tác. Nghĩa vụ hợp tác này có thể là nghĩa vụ do luật định, có thể do các bên thoả thuận hoặc được bao hàm trong nguyên tắc thiện chí mà hành

⁵ Nguyễn Anh Thư (2020), *Nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật một số quốc gia dưới góc độ so sánh*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 34.

⁶ Catherine Pedamon - Radosveta Vassileva (2019), “The ‘Duty to Cooperate’ in English and French Contract Law: One Channel, Two Distinct Views”, *Journal of Comparative Law*, Volume (14), p. 17. (1-25). Website: https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3405220 (Truy cập ngày 15/06/2023).

vi không hợp tác này của bên có quyền là nguyên nhân trực tiếp khiến cho bên có nghĩa vụ không thể thực hiện đúng nghĩa vụ. Theo đó, bên vi phạm nghĩa vụ có thể được loại trừ trách nhiệm; (ii) Vi phạm hợp đồng qua lại lẫn nhau là trường hợp các bên chủ thể đều có hành vi vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, sự vi phạm của bên này không phải nguyên nhân dẫn đến sự vi phạm của bên kia mà sự vi phạm hợp đồng của các bên hoàn toàn độc lập với nhau. Do đó, mỗi bên vi phạm hợp đồng đều phải chịu trách nhiệm dân sự về hành vi vi phạm của mình. *Ví dụ, việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua không phải là nguyên nhân dẫn đến việc chậm bàn giao tài sản của bên bán, nên bên mua phải chịu trách nhiệm dân sự đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bên bán phải chịu trách nhiệm dân sự đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ giao tài sản.*

Hiện nay, khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 chỉ ghi nhận lỗi của bên có quyền là một trong các căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự, mà không có quy định cụ thể hình thức lỗi đó là cố ý hay vô ý. Cho nên, về nguyên tắc thì lỗi của bên có quyền trong trường hợp này có thể bao gồm lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý theo quy định tại Điều 364 BLDS năm 2015. Tương ứng với hai hình thức lỗi này, thì các dạng hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp tác của bên có quyền có thể là hành vi cố ý cản trở, gây khó khăn cho bên có nghĩa vụ, hoặc có thể là hành vi vô ý, sơ suất của chủ thể này đã gây ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 cũng ghi nhận rằng chỉ khi vi phạm hợp đồng xảy ra hoàn toàn do lỗi của bên có quyền thì bên có nghĩa vụ mới có thể được loại trừ trách nhiệm. Quy định này có thể dẫn tới một cách hiểu rằng mọi vi phạm nghĩa vụ xảy ra đều xuất phát từ lỗi của bên có quyền mà không có bất cứ nguyên nhân nào từ bên có nghĩa vụ. Song, theo quan điểm của tác giả, cụm từ “*hoàn toàn do lỗi của bên có quyền*” chỉ nên được tiếp cận với từng hành vi vi phạm của bên có nghĩa vụ. Nghĩa là, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng có thể gắn với các vi phạm khác nhau (trách nhiệm do chậm thực hiện hợp đồng, trách nhiệm do thực hiện không đúng hợp đồng,...), bên có quyền hoàn toàn có lỗi dẫn đến hành vi vi phạm nào thì bên vi phạm được loại trừ trách nhiệm

đối với hành vi vi phạm đó. Do vậy, vẫn có thể tồn tại trường hợp bên vi phạm có lỗi với hành vi vi phạm này nhưng vẫn được loại trừ trách nhiệm với hành vi vi phạm khác. Ví dụ: Khi thực hiện nghĩa vụ giao hàng cho B, A đã giao một số hàng bị hư hỏng, đồng thời việc giao hàng lại chậm hơn so với thoả thuận. Tuy nhiên, nguyên nhân của việc giao chậm là do lỗi của B trong việc cung cấp sai địa chỉ, nên A được loại trừ trách nhiệm đối với việc giao chậm hàng và vẫn phải chịu trách nhiệm đối với số hàng bị hư hỏng.

2. Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do lỗi của bên bị thiệt hại

Theo quy định tại khoản 2 Điều 584 BLDS năm 2015: “*Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại...*”. Theo quy định này, lỗi đồng vai trò như một căn cứ để loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, trong quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại khoản 1 Điều 584 BLDS năm 2015 thì yếu tố lỗi lại không được đề cập, dẫn đến quan điểm cho rằng các “*quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hướng không dựa trên cơ sở lỗi như trong quy định của BLDS năm 2005*”⁷. Điều này dẫn đến một vấn đề là nếu như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh không phụ thuộc vào yếu tố lỗi, thì liệu rằng có nên coi yếu tố lỗi là một căn cứ loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nữa hay không?

Với quy định tại khoản 1 Điều 584 có thể thấy rằng BLDS năm 2015 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo trường phái trách nhiệm nghiêm ngặt (*strict liability*). Cụ thể, khoản 1 Điều 584 quy định rằng, bất kỳ chủ thể nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của chủ thể khác mà gây thiệt hại thì đều phải bồi thường, mà không có sự đề cập tới yếu tố lỗi trong đây. Cách quy định này dẫn tới một cách hiểu cho rằng trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh không phụ thuộc vào yếu tố lỗi khi BLDS năm 2015 đã loại bỏ

⁷ Đinh Trung Tụng (chủ biên) (2016), *Bối cảnh xây dựng và một số nội dung mới chủ yếu của Bộ luật Dân sự năm 2015 (so sánh với BLDS năm 2005)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 55.



yếu tố này so với quy định tại BLDS năm 2005⁸. Tuy nhiên, không phải trong trường hợp nào cũng có thể hiểu trách nhiệm nghiêm ngặt nghĩa là trách nhiệm phát sinh không phụ thuộc vào lỗi. Đặc biệt vẫn có quy định trong BLDS năm 2015 với nội dung khẳng định có lỗi thì bồi thường tương ứng với mức độ lỗi⁹. Đồng thời, hiện nay cũng có nhiều quan điểm cho rằng việc suy đoán bên có hành vi hoặc tài sản gây thiệt hại có lỗi là một dạng của trách nhiệm nghiêm ngặt, mà ở đó đã tồn tại một “nghĩa vụ chứng minh đảo ngược” (*reversed burden of proof*) - buộc bên có hành vi gây thiệt hại phải chứng minh mình không có lỗi, thay vì buộc bên bị thiệt hại phải chứng minh lỗi của bên gây thiệt hại. Đây cũng là cách hiểu được áp dụng trong hệ thống pháp luật của một số quốc gia châu Âu lục địa như Đức, Áo, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Bỉ¹⁰. Cách hiểu như vậy cũng có những điểm hợp lý nhất định vì suy cho cùng thì trách nhiệm nghiêm ngặt hay trách nhiệm với sự suy đoán lỗi đối với bên gây thiệt hại đều nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị thiệt hại thông qua việc loại bỏ nghĩa vụ chứng minh lỗi của bên gây thiệt hại - điều mà trong nhiều trường hợp không dễ dàng để chứng minh. Theo đó, sẽ hợp lý hơn nếu tiếp cận căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường trong BLDS năm 2015 bao gồm cả yếu tố lỗi của người gây thiệt hại, nhưng là lỗi suy đoán mà không buộc người yêu cầu bồi thường phải chứng minh. Tuy nhiên, bên gây thiệt hại có thể chứng minh mình không có lỗi, hoặc thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại để được giảm hoặc được loại trừ trách nhiệm bồi thường.

Như vậy, cũng tương tự như đối với trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, bên có hành vi hoặc tài sản gây thiệt hại (bên gây thiệt hại) sẽ chỉ có thể được loại trừ trách nhiệm nếu như chứng minh được thiệt hại xảy ra là hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại. Như đã đề cập ở trên,

lỗi của bên bị thiệt hại cũng cần phải được thể hiện thông qua hành vi của chủ thể này. Nếu coi hành vi gây thiệt hại hoặc để tài sản gây thiệt hại là một sự vi phạm nghĩa vụ thì đó là vi phạm “nghĩa vụ tôn trọng quyền của bên bị thiệt hại”. Tuy nhiên, trước sự xâm phạm đó, bên bị thiệt hại cũng có nghĩa vụ cẩn trọng một cách hợp lý để bảo vệ quyền của mình. Với cách tiếp cận này, có thể thấy lỗi của bên bị thiệt hại được thể hiện ở việc thiếu cẩn trọng, tự đặt mình vào nguy cơ bị thiệt hại. Ví dụ: A điều khiển xe mô tô lạng lách tới trước đầu xe ô tô của B đang di chuyển đúng làn, đúng tốc độ khiến cho B không kịp xử lý, gây tai nạn cho A. Trong trường hợp này, thiệt hại của A xảy ra hoàn toàn do lỗi của A khi đã thiếu cẩn trọng và tự đặt bản thân vào nguy cơ bị tai nạn.

Tương tự như Điều 351 BLDS năm 2015, Điều 584 cũng không có quy định về hình thức lỗi của bên bị thiệt hại. Do đó, bên gây thiệt hại có thể được loại trừ trách nhiệm nếu chứng minh được thiệt hại xảy ra hoàn toàn là do bên bị thiệt hại bất kể là lỗi cố ý hay vô ý. Tuy nhiên, riêng đối với trường hợp bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, Khoản 3 Điều 601 BLDS năm 2015 đã đặt ra một yêu cầu cao hơn khi quy định chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ chỉ có thể được loại trừ trách nhiệm nếu như thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại. Việc quy định như vậy xuất phát từ tính chất của nguồn nguy hiểm cao độ, giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của các chủ thể này trong việc cảnh báo về nguồn nguy hiểm cao độ. Chỉ trong trường hợp người bị thiệt hại nhận thức được rõ hành vi của mình là có khả năng gây thiệt hại và vẫn mong muốn hoặc tuy không mong muốn nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra mà vẫn thực hiện hành vi lỗi vô ý thì khi đó người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ mới có thể được loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

⁸ Khoản 1 Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường”. So với quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015, có thể thấy cụm “do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý” đã bị loại bỏ.

⁹ Nguyễn Danh Kiên (2022), *Lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 33.

¹⁰ Alexandru Daniel On (2020), *Strict liability and the aims of Tort Law: a doctrinal, comparative, and normative study of strict liability regimes*, Doctoral Thesis - Maastricht University, p. 161-163. Website: <https://doi.org/10.26481/dis.20201201do> (Truy cập ngày 15/06/2023). Trong Luận án, tác giả cũng đã chỉ ra rằng hiện tại trách nhiệm với nghĩa vụ chứng minh đảo ngược - suy đoán lỗi đối với bên gây thiệt hại đang được quy định trong Bộ luật Dân sự của một số quốc gia Châu Âu như Đức, Áo, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Bỉ.

3. Bất cập và kiến nghị hoàn thiện quy định về loại trừ trách nhiệm dân sự do lỗi của bên bị vi phạm

Hiện tại, với việc sử dụng thuật ngữ “hoàn toàn do lỗi của bên có quyền” tại khoản 3 Điều 351 và “hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại” tại khoản 2 Điều 584 của BLDS năm 2015, có thể dẫn tới cách hiểu cho rằng khi vi phạm hợp đồng hoặc có thiệt hại ngoài hợp đồng xảy ra thì chỉ khi bên có quyền hoặc bên bị thiệt hại (gọi chung là bên bị vi phạm) có lỗi mà không có sự xuất hiện lỗi của bên vi phạm hay của bất cứ bên nào khác thì trách nhiệm dân sự mới có thể được loại trừ. Tuy nhiên, cách hiểu này không thực sự phù hợp cả về mặt lý luận và thực tiễn và cả trong trách nhiệm do vi phạm hợp đồng lẫn trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Cụ thể:

Đối với trách nhiệm ngoài hợp đồng, một trong các nguyên tắc bồi thường được ghi nhận đó là “khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra”¹¹. Điều này có nghĩa rằng, chỉ cần bên bị thiệt hại có một phần lỗi thì bên gây thiệt hại đã được loại trừ trách nhiệm với phần thiệt hại do lỗi của bên bị thiệt hại gây ra. Tức là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng vẫn có thể được loại trừ mà không cần điều kiện “hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại”. Rõ ràng nguyên tắc này cho thấy trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có thể được loại trừ một phần hoặc toàn bộ, tương ứng với mức độ lỗi của bên bị thiệt hại. Điều này càng cho thấy rằng việc sử dụng cụm từ “hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại” là chưa thực sự phù hợp.

Đối với trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, một nguyên tắc tương tự cũng đã được ghi nhận tại Điều 363 BLDS năm 2015: “Trường hợp vi phạm nghĩa vụ và có thiệt hại là do một phần lỗi của bên bị vi phạm thì bên vi phạm chỉ phải bồi thường thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của mình”. Và tương tự như phân tích trên, bên vi phạm cũng sẽ được loại trừ trách nhiệm đối với phần thiệt hại do lỗi của bên bị vi phạm gây ra mà không cần điều kiện “hoàn toàn do lỗi của bên có quyền”. Ngoài ra, trong thực tiễn xét xử cũng tồn tại những quan điểm cho rằng cần loại trừ trách nhiệm cho bên vi phạm nghĩa

vụ nếu như sự vi phạm này là do lỗi của người thứ ba. Có thể thấy được phần nào cách tiếp cận này thông qua nội dung tại án lệ số 25/2018/AL. Theo quan điểm giải quyết của án lệ, nếu như bên vi phạm không thể thực hiện đúng cam kết do sự chậm trễ của cơ quan nhà nước (cơ quan thi hành án dân sự) thì bên vi phạm sẽ không phải chịu phạt tiền cọc. Cho dù án lệ số 25/2018/AL không liên quan trực tiếp tới loại trừ trách nhiệm dân sự, tuy nhiên quan điểm giải quyết của án lệ cũng đã tạo cơ sở cho cách tiếp cận là nếu vi phạm nghĩa vụ xảy ra do lỗi của người thứ ba (cơ quan nhà nước) thì trách nhiệm từ vi phạm nghĩa vụ này sẽ được loại trừ. Từ những phân tích trên, có thể thấy việc sử dụng cụm từ “hoàn toàn do lỗi của bên có quyền” tại khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 cũng chưa thực sự phù hợp, còn tồn tại những điểm thiếu thống nhất với các quy định có liên quan và từ đó có thể dẫn tới những lúng túng, khó khăn trong áp dụng pháp luật.

Để khắc phục hạn chế trên, tác giả cho rằng cần phải có những sửa đổi, bổ sung một cách phù hợp, theo hướng mở rộng căn cứ loại trừ trách nhiệm dân sự liên quan tới yếu tố lỗi. Trong đó, bên cạnh trường hợp vi phạm xảy ra hoàn toàn do lỗi của bên bị vi phạm thì nhà làm luật cũng cần phải có sự ghi nhận rõ ràng hơn đối với vấn đề loại trừ trách nhiệm khi vi phạm xảy ra có lỗi của người thứ ba hoặc một phần lỗi của bên vi phạm. Thực tiễn cho thấy, vi phạm nghĩa vụ hay thiệt hại ngoài hợp đồng xảy ra do lỗi của cả bên vi phạm lẫn bị vi phạm là trường hợp mang tính phổ biến. Việc pháp luật có các quy định rõ ràng về vấn đề loại trừ trách nhiệm trong trường hợp này sẽ giúp bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp cho cả hai bên chủ thể. Đồng thời, các vi phạm hợp đồng có nguyên nhân xuất phát từ sự chậm trễ trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, tư pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng không phải là trường hợp hiếm gặp trên thực tế. Việc có cơ sở pháp lý rõ ràng để loại trừ trách nhiệm dân sự cho bên không thể thực hiện đúng nghĩa vụ do ảnh hưởng của sự chậm trễ đó cũng sẽ góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ thể này.

(Xem tiếp trang 24)

¹¹ Khoản 4 Điều 585 BLDS năm 2015.



Kết luận:

Tính mạng, sức khỏe của con người một khi đã bị xâm phạm thì dù có được bồi thường bao nhiêu đi nữa cũng không thể nào khắc phục được hậu quả. Việc quy định về nghĩa vụ và mức bồi thường trong những trường hợp định tính là hết sức khó khăn. Tuy nhiên, do quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại trong trường hợp này còn nhiều bất cập như đã nêu trên nên người bị thiệt hại và người thân của họ phải chịu rất nhiều thiệt thòi. Rất mong Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn cụ thể hơn nữa để việc áp dụng pháp luật được thống nhất và giảm thiểu thiệt hại cho người bị thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm và thân nhân của họ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://baovephapluat.vn/cai-cach-tu-phap/thuc-tien-kinh-nghiem/vuong-mac-bat-cap-trong-giai-quyet-yeu-cau-boi-thuong-thiet-hai-do-phuong-tien-tham-gia-giao-thong-duong-bo-gay-ra-87361.html>.
2. <https://pbgdpl.haiphong.gov.vn/Nghien-cuu-trao-doi/Mot-so-vuong-mac-ve-giai-quyet-boi-thuong-thiet-hai-do-tinh-mang-suc-khoe-bi-xam-pham-62538.html>.
3. <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-trong-ap-dung-phap-luat-ve-boi-thuong-thiet-hai-ngoai-hop-dong>.
4. <https://www.luatthinhtri.com/chi-tiet/mot-so-vuong-mac-ve-giai-quyet-boi-thuong-thiet-hai-do-tinh-mang-suc-khoe-bi-xam-pham-159.html>.

LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ DO LỖI CỦA BÊN BỊ VI PHẠM

(Tiếp theo trang 19)

Ngoài ra, một trong những bất cập được đề cập ở trên cần phải khắc phục đó là việc sử dụng cụm từ “hoàn toàn do lỗi của bên có quyền/bị thiệt hại”. Theo quan điểm của tác giả, nhà làm luật cần cân nhắc để lược bỏ hai từ “hoàn toàn” ra khỏi quy định tại khoản 3 Điều 351 cũng như khoản 2 Điều 584 BLDS năm 2015. Điều này sẽ tránh được các mâu thuẫn giữa hai quy định này với các quy định có liên quan (ví dụ quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại tương đương với mức độ lỗi). Đồng thời, việc sửa đổi này sẽ bảo đảm rằng việc loại trừ trách nhiệm dân sự có thể đặt ra ngay cả khi bên bị vi phạm có một phần lỗi....

Kết luận:

Tính mạng, sức khỏe của con người một khi đã bị xâm phạm thì dù có được bồi thường cũng không thể nào khắc phục được hậu quả. Việc quy định về nghĩa vụ và mức bồi thường trong những trường hợp định tính là hết sức khó khăn. Tuy nhiên, do quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại trong trường hợp này còn nhiều bất cập như đã nêu trên nên người bị thiệt hại và người thân của họ phải chịu rất nhiều thiệt thòi. Thông qua bài viết, tác giả mong rằng Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn cụ thể hơn nữa để việc áp dụng pháp luật được thống nhất và giảm thiểu thiệt hại cho người bị thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm và thân nhân của họ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexandru Daniel On (2020), *Strict liability and the aims of Tort Law: a doctrinal, comparative, and normative study of strict liability regimes*, Doctoral Thesis - Maastricht University, p. 161-163. Website: <https://doi.org/10.26481/dis.20201201do> (Truy cập ngày 15/06/2023).
2. Catherine Pedamon - Radosveta Vassileva (2019), “The ‘Duty to Cooperate’ in English and French Contract Law: One Channel, Two Distinct Views”, *Journal of Comparative Law*, Volume (14), p. 17. (1-25). Website: https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3405220 (Truy cập ngày 15/06/2023).
3. Nguyễn Danh Kiên (2022), *Lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Luận văn Thạc sĩ Luật học - Trường Đại học Luật Hà Nội.
4. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
5. Nguyễn Anh Thư (2020), *Nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật một số quốc gia dưới góc độ so sánh*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
6. Đinh Trung Tụng (chủ biên) (2016), *Bối cảnh xây dựng và một số nội dung mới chủ yếu của Bộ luật Dân sự năm 2015 (so sánh với BLDS năm 2005)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.